

BÁO CÁO

Giải trình ý kiến đóng góp của các Ban - HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đối với các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 6

Tại kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa X, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh các báo cáo, các tờ trình trên các lĩnh vực. Các Ban và các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã có nhiều ý kiến đóng góp rất tích cực đối với các Báo cáo, các Tờ trình của UBND tỉnh.

UBND tỉnh xin cảm ơn tất cả các ý kiến đầy trách nhiệm của các Ban - HĐND tỉnh và các Tổ đại biểu, UBND tỉnh xin trân trọng tiếp thu tất cả các ý kiến đóng góp của các Ban và các Tổ đại biểu.

Nay, UBND tỉnh báo cáo giải trình một số vấn đề mà các Ban và các Tổ đại biểu HĐND tỉnh quan tâm, làm cơ sở để quý đại biểu biểu quyết thông qua các Nghị quyết, tạo điều kiện về pháp lý UBND tỉnh thực thi các nhiệm vụ mà HĐND tỉnh giao, cụ thể như sau:

A. Ý KIẾN CỦA CÁC BAN HĐND TỈNH

I. Về các Báo cáo của UBND tỉnh

1. Báo cáo việc triển khai và kết quả bước đầu thực hiện Thông báo số 239/TB-HĐND ngày 01/4/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về Kết luận tại Chương trình Đối thoại lần thứ 3 về “Giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên tại các trường mầm non và phổ thông”

UBND tỉnh đã có Công văn số 3236/UBND-VHXXH ngày 12/4/2022 triển khai thực hiện Thông báo số 239/TB-HĐND ngày 01/4/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về nội dung này.

Ngày 29/6/2022, UBND tỉnh có Báo cáo số 2016/BC-UBND báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện nội dung kết luận tại Thông báo số 239/TB-HĐND ngày 01/4/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri phản ánh trước và sau kỳ họp thứ 4 (kỳ họp lệ cuối năm 2021), HĐND tỉnh khóa X

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của các Ban HĐND tỉnh và sẽ chỉ đạo ngành, địa phương tập trung triển khai các nội dung theo kiến nghị.

3. Đối với các Báo cáo còn lại

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của các Ban HĐND tỉnh và sẽ đưa vào giải pháp thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022.

II. Về các Tờ trình

1. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Long An

* Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội:

- Bổ sung các văn bản vào phần căn cứ ban hành Nghị quyết.
- Bổ sung thêm nội dung “mua sắm thiết bị” vào phần “Quy mô đầu tư” trong Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường Cao đẳng Long An cho phù hợp.

UBND tỉnh tiếp thu, đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

2. Tờ trình về bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng Thiết chế Công đoàn tại xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa (phần mở rộng)

* Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội:

- Bổ sung các văn bản vào phần căn cứ ban hành Nghị quyết.
- Phần “2. Sự cần thiết đầu tư”, phần “6. Mục tiêu đầu tư” và phần “15. Đánh giá hiệu quả dự án” của dự thảo Nghị quyết chủ yếu đề cập đến lợi ích của việc xây dựng thiết chế công đoàn. Do đó, cần xác định lại các nội dung này cho phù hợp với trích yếu nội dung Nghị quyết.

UBND tỉnh tiếp thu, đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

3. Tờ trình về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Long An

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Tại Phụ lục 2, danh mục bổ sung dự án cần thu hồi đất năm 2022 (chuyên tiếp):

+ Có 03 Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp Phước Vĩnh Đông 2, 3, 4 của Công ty THHH MTV Đầu tư Bắc Giang - Long An, Công ty THHH MTV Đầu tư Vinatexin - Long An, Công ty THHH MTV Khu công nghiệp Tân Phú Trung - Long An: qua rà soát các dự án này không có trong danh mục dự án cần thu hồi đất của Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 17/8/2021.

UBND tỉnh giải trình như sau: Qua rà soát 03 dự án trên có trong danh mục dự án cần thu hồi đất của Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 26/02/2021, UBND tỉnh rà soát, cập nhật và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

- Dự án Khu dân cư - tái định cư Long Hậu 3 của Công ty Cổ phần Long Hậu: đề nghị rà soát lại diện tích quy hoạch và diện tích tăng thêm của dự án (dự thảo là 19,3ha, Nghị quyết số 42/NQ-HĐND là 18,2ha).

UBND tỉnh giải trình như sau: Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất của Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 với diện tích 18,2 ha là theo chủ trương số 982/QĐ-UBND ngày 28/3/2014. Đến ngày 04/5/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư số 1528/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 trong đó có điều chỉnh diện tích thành 19,1278 ha, do đó trong tờ trình UBND tỉnh đã cập nhật diện tích theo chủ trương đầu tư

điều chỉnh.

- Có 18 dự án đã được HĐND tỉnh có Nghị quyết thông qua việc thu hồi đất từ những năm trước (2016, 2018, 2019, 2020): đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do chậm triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và chưa kịp thời rà soát trình HĐND tỉnh có chủ trương đối với các dự án này (chuyển tiếp hoặc bãi bỏ).

UBND tỉnh giải trình như sau: Các dự án trên chủ yếu khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đã được các ngành chuyên môn rà soát nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến việc chậm triển khai thực hiện và đã được UBND tỉnh chấp thuận giãn tiến độ dự án theo quy định. Thời gian tới, UBND tỉnh sẽ có chỉ đạo các ngành chuyên môn tiếp tục rà soát và xử lý theo quy định.

- Các nội dung khác: UBND tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

4. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019, Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 22/6/2020 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

* Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

- Về nội dung dự thảo Nghị quyết: đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ lý do chưa có sự thống nhất về tỷ lệ tăng giá đất giữa các huyện, thị xã thành phố và có địa phương không đề xuất tăng để đảm bảo cân đối với giá thị trường và các địa phương lân cận.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Việc sửa đổi bảng giá đất hiện nay nhằm sửa đổi các vị trí có sai sót, thay đổi tên; thực hiện điều chỉnh tăng giá do nâng cấp, mở rộng đường, một số tuyến đường giá hiện hành có mức giá chưa đảm bảo so với giá thị trường cần điều chỉnh tăng giá đảm bảo cân đối mặt bằng chung của tuyến hoặc khu vực và có cân đối giá đất giáp ranh giữa các huyện, thị xã và thành phố; Bảng giá đất bị khống chế bởi khung giá đất của Chính phủ và tùy từng khu vực sẽ có khung giá riêng. Do đó, Bảng giá đất hiện nay chưa thể tiệm cận được với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường.

- Tại Phụ lục I về Bảng giá đất nông nghiệp:

+ Đối với huyện Cần Đước: đề nghị giải trình các nội dung dự thảo không có trong văn bản đề xuất của huyện.

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND huyện có 2 văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, nội dung dự thảo đảm bảo đầy đủ nội dung theo đề xuất của UBND huyện Cần Đước.

+ Đối với huyện Thạnh Hóa: đề nghị giải trình khoản 6 Mục E Phần I dự thảo không có trong Tờ trình đề xuất của huyện.

UBND tỉnh giải trình như sau: STT 6 Tiêu mục VIII mục E tại Bảng giá

đất hiện hành quy định giá đất Cụm dân cư xã Thuận Bình, Thạnh An. Tuy nhiên, UBND huyện chỉ đề xuất điều chỉnh tăng giá đất tại Cụm dân cư xã Thạnh An do đó phải điều chỉnh mục STT 6 bỏ Cụm dân cư xã Thạnh An và đưa Cụm dân cư xã Thạnh An vào số thứ tự 16 mục E.

+ *Đối với huyện Tân Thạnh: đề nghị giải trình số thứ tự 36 Mục E Phần I không có trong Tờ trình đề xuất của huyện.*

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND huyện có 2 văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, nội dung dự thảo đảm bảo đầy đủ nội dung theo đề xuất của UBND huyện Tân Thạnh (dự thảo chỉ có số thứ tự 33 không có số thứ tự 36).

+ *Đối với thị xã Kiến Tường: đề nghị giải trình một số tuyến đường trong dự thảo không có trong văn bản đề xuất của thị xã; Đối với các huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng: văn bản của huyện chỉ đề xuất điều chỉnh giá đất ở Phụ lục II về đất ở, đề nghị rà soát lại.*

UBND tỉnh giải trình như sau: Do các địa phương chỉ đề xuất sửa đổi, bổ sung đối với đất ở, để đảm bảo việc áp dụng bảng giá được đồng bộ và tránh bổ sung nhiều lần, cần rà soát, đề xuất giá đất nông nghiệp tại tuyến đường này đảm bảo cân đối trong khu vực.

Đối với các nội dung còn lại, UBND tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ, bổ sung, cập nhật dự thảo Nghị quyết.

5. Tờ trình về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Long An

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- *Tại Phụ lục 3, Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác:*

+ *Dự án Khu dân cư của Công ty TNHH Nam Phát Long tại xã Lương Hòa, huyện Bến Lức: đề nghị giải trình lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư 5 lần; rà soát hiện nay dự án đã được gia hạn chủ trương chưa (theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 8039/QĐ-UBND ngày 11/8/2021, đến tháng 6/2022 đưa dự án vào hoạt động).*

UBND tỉnh giải trình như sau: Dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư nhiều lần do nhà đầu tư điều chỉnh ranh dự án và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Hiện nay dự án đã được UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 23/6/2022, tiến độ dự án đến tháng 12/2022; UBND tỉnh sẽ cập nhật lại thông tin dự án trong dự thảo Nghị quyết.

- *Tại Phụ lục 4, Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác (chuyển tiếp):*

+ *Dự án Mở rộng nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Đại Nam của Công ty TNHH San Hà tại xã Thanh Phú, huyện Bến Lức: đề nghị thông tin kết luận xử lý việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối dự án hiện hữu liền kề với dự án này (cũng do Công ty TNHH San Hà làm*

chủ đầu tư); đồng thời rà soát lại việc đề nghị chuyển tiếp Dự án này (diện tích 0,55ha theo Quyết định chủ trương đầu tư số 4391/QĐ-UBND ngày 20/5/2021) có đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 (diện tích 0,908 ha theo Quyết định chủ trương đầu tư số 4100/QĐ-UBND ngày 06/11/2018).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Hiện nay, Công ty TNHH San Hà đã chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối dự án hiện hữu.

Qua rà soát phần diện tích 0,55 ha theo Quyết định chủ trương đầu tư số 4391/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 là phần mở rộng dự án khác với vị trí dự án có diện tích 0,908 ha được HĐND thông qua. Do đó, dự án thuộc trường hợp trình danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa mới, không phải danh mục chuyển tiếp và UBND tỉnh sẽ tiếp thu, cập nhật vào dự thảo Nghị quyết.

- Có 02 Dự án Khu dân cư Pacific Residence của Công ty CPĐT và Phát triển BĐS Pacific và Dự án Khu dân cư An Thịnh Residence Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhật Hoàng Thịnh: đề nghị rà soát lại vị trí thực hiện dự án (dự thảo là tại thị trấn Cần Giuộc, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND và Nghị quyết số 48/NQ-HĐND là tại xã Mỹ Lộc).

UBND tỉnh giải trình như sau: Các dự án trên trước đây là xã Mỹ Lộc và hiện nay là thị trấn Cần Giuộc do cập nhật theo địa giới hành chính mới đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 836/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Long An.

+ Một số dự án đã được HĐND tỉnh có Nghị quyết thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang mục đích khác từ năm 2018, đến nay đã quá hạn 3 năm như: Dự án Mở rộng nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Đại Nam của Công ty TNHH San Hà, Dự án Nhà ở xã hội của Công ty TNHH Chutex Internationnal, Dự án Khu dân cư Long Hy của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Bê tông Ép cọc Tư Lát, Dự án Khu dân cư nông thôn mới của Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Thiên Thanh An Long. Đề nghị UBND giải trình lý do chậm triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và chưa kịp thời rà soát trình HĐND tỉnh có chủ trương đối với các dự án này (chuyển tiếp hoặc bãi bỏ).

UBND tỉnh giải trình như sau: Các dự án trên chủ yếu khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đã được các ngành chuyên môn rà soát nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến việc chậm triển khai thực hiện và đã được UBND tỉnh chấp thuận giãn tiến độ dự án. Thời gian tới, UBND tỉnh sẽ có chỉ đạo các ngành chuyên môn tiếp tục rà soát và xử lý theo quy định.

- Các nội dung: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

6. Tờ trình về phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tờ trình về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Dự thảo Nghị quyết này phân bổ kế hoạch vốn cho cả giai đoạn 2021 - 2025, do đó đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ cụ thể đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong đó, cần bổ sung thêm nội dung về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, nguyên tắc xác định mức vốn đầu tư phát triển cho 01 hệ số phân bổ.

UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung các nội dung về nguyên tắc, nội dung, tiêu chí và hệ số phân bổ vốn vào dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

UBND tỉnh tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết nội dung về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) bố trí tối thiểu 1,5 lần so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Tại khoản 2 Phụ lục II về nhiệm vụ cấp xã: đề nghị giải trình làm rõ (1) tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao chiếm 40,1% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và (2) tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu chiếm 19,3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đảm bảo phù hợp theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Phụ lục II Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

UBND tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết như sau:

- Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (luỹ kế): 10 huyện (Châu Thành, Tân An, Kiến Tường, Tân Trụ, Cần Đức, Bến Lức, Đức Hòa, Vĩnh Hưng, Tân Thạnh, Cần Giuộc).

- Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao (luỹ kế): 02 huyện (Châu Thành, Tân Trụ).

- Số huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (luỹ kế): 01 huyện (Châu Thành)

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM đạt 88,2% số xã toàn tỉnh.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao đạt 40,1% số xã toàn tỉnh.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đạt 7,7% số xã toàn tỉnh.

7. Tờ trình về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Cần Giuộc đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Bỏ các khoản 9; điểm h, điểm i khoản 12 điều 1.

- Bổ sung vào đoạn cuối điều 1: "Các nội dung còn lại, HĐND tỉnh giao UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật".

UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

8. Tờ trình về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An diện tích khoảng 66 ha, thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Long An

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- *Điều chỉnh lại diện tích dự án giảm từ 68,36ha còn 66,20ha*”.

UBND tỉnh giải trình như sau: Qua rà soát, việc điều chỉnh diện tích như trên nhằm đảm bảo công tác xác định ranh, cắm mốc biên giới.

- *Các nội dung khác*: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

9. Tờ trình về đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp An Nhứt Tân, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- *Dự án Khu công nghiệp An Nhứt Tân đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 và điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 nhưng đến nay nhà đầu tư vẫn chưa triển khai xây dựng hạ tầng, đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân vì sao.*

UBND tỉnh giải trình như sau: Trong quá trình triển khai dự án thì có một số vướng mắc khó khăn kéo dài, chủ yếu là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; nhà đầu tư thay đổi về cơ cấu tổ chức nhiều lần, chưa thật sự tập trung thực hiện dự án.

- *Các nội dung khác*: UBND tỉnh tiếp thu, đã điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

10. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp Tân Tập, xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- *Quy mô diện tích khu công nghiệp chưa có sự thống nhất giữa số liệu thể hiện trong Công văn số 1840/TTg-CN ngày 28/12/2020 và số liệu thể hiện trong Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh.*

UBND tỉnh giải trình như sau: Thống nhất về diện tích Khu công nghiệp vẫn là 654 ha theo đúng Công văn số 1840/TTg-CN ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, điều chỉnh các văn bản có liên quan theo quy định.

- *Về tính chất ngành nghề*: có bổ sung thêm ngành nghề nhưng chưa có thuyết minh và ý kiến thẩm định của Sở chuyên ngành. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung thuyết minh và ý kiến thẩm định bằng văn bản về tính chất ngành nghề của Sở chuyên ngành đính kèm theo tài liệu.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Theo Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt thì Khu công nghiệp Tân Tập là khu công nghiệp sạch, đa ngành, chủ yếu là các ngành công nghiệp công nghệ cao như tự động hóa, lắp ráp, điện tử, viễn thông. Các ngành nghề trong Khu công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường.

- Đồ án quy hoạch đã lấy ý kiến của các ngành chức năng và thống nhất với nội dung đề xuất về ngành nghề đầu tư. Hiện nay quy hoạch đang triển khai ở cấp độ quy hoạch chung nên chỉ xác định các nhóm ngành nghề chính. Khi triển khai quy hoạch phân khu thì sẽ xác định các ngành nghề cụ thể theo các nhóm đã được phê duyệt theo quy hoạch chung và sẽ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chức năng trước khi thông qua đồ án quy hoạch phân khu.

- Về tiến độ thực hiện dự án, trong Quyển thuyết minh nêu: “Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng: dự kiến quý II/2024”, đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm lý do vì sao đến quý II/2024 mới hoàn thành các thủ tục đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

UBND tỉnh giải trình như sau: Dự án Khu công nghiệp Tân Tập mới đang ở bước lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000. Sau khi hoàn thành bước quy hoạch chung thì cần phải thực hiện các thủ tục tiếp theo bao gồm: 1) Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000, thời gian dự kiến là 02 quý; 2) Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo nghiên cứu khả thi, thời gian dự kiến là 03 quý; 3) Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thời gian dự kiến là 02 quý. Như vậy, sau khi hoàn thành lập quy hoạch chung thì cần phải mất thêm dự kiến 07 quý, tương đương với thời điểm hoàn thành các thủ tục này là đến quý II/2024. Song song với các thủ tục này thì Chủ đầu tư và huyện Cần Giuộc vẫn thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng.

- Việc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật xây dựng. Tuy nhiên, trong Biên bản lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư, thành phần tham dự không có chủ đầu tư là Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, không đính kèm Phiếu lấy ý kiến của các hộ dân. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm Phiếu lấy ý kiến của các hộ dân và Văn bản cam kết của Chủ đầu tư về việc đảm bảo bố trí tái định cư, nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội, công trình thiết chế văn hóa cho khu công nghiệp vào bộ hồ sơ trình HĐND tỉnh.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- UBND tỉnh gửi bổ sung văn bản số 930/BQLKKT ngày 27/6/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế về kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư.

- Về văn bản cam kết của chủ đầu tư về việc đảm bảo bố trí tái định cư, nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội, công trình thiết chế văn hóa cho khu công nghiệp, UBND tỉnh sẽ lưu ý và chỉ đạo thực hiện ở bước quy hoạch phân khu do nhà đầu tư hạ tầng thực hiện.

- Các nội dung khác: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

11. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Chương

trình phát triển nhà ở tỉnh Long An giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Về nội dung tờ trình: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung đánh giá về hiện trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh hiện nay, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, từ đó làm cơ sở đề xuất HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Hiện trạng nhà ở trên địa bàn tỉnh

+ Đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có khoảng 487.562 căn nhà với tổng diện tích sàn nhà ở là 52.470.315 m², trong đó khu vực đô thị là 9.810.136 m², khu vực nông thôn là 42.660.179 m².

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người là 30,4 m² sàn/người, trong đó khu vực đô thị là 31,0 m² sàn/người và khu vực nông thôn là 30,27 m² sàn/người.

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người trên toàn tỉnh tăng từ 27,3 m²/người năm 2019 lên 30,4 m²/người năm 2021. Diện tích nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh tăng trưởng ở mức cao (khoảng 1,5 m²/người mỗi năm), là một trong những tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Những tồn tại, hạn chế

+ Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở đã bàn hành theo Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND còn thấp hơn so với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa đảm bảo chỉ tiêu để thu hút đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

+ Việc phát triển các dự án nhà ở xã hội đặc biệt nhà ở công nhân chưa đáp ứng được nhu cầu cho người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Trình tự thủ tục về lựa chọn chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở, chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới còn nhiều bất cập, chồng chéo, mất nhiều thời gian.

+ Công tác quản lý đất đai còn vướng mắc trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng của các dự án.

+ Việc thu hút các nhà đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế.

- Nguyên nhân

+ Do bối cảnh nền kinh tế thế giới và nền kinh tế trong nước sau đại dịch Covid-19 còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu và công tác thu hút đầu tư của tỉnh ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư các dự án khu nhà ở nói riêng và khu đô thị nói chung.

+ Đơn giá bồi thường giải phóng mặt bằng chưa phù hợp với thực tế và thấp so với các địa phương lân cận; còn thiếu sự đồng thuận của người dân trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tại một số dự án.

+ Các văn bản pháp quy về đầu tư xây dựng nhiều, thường xuyên thay đổi, bổ sung; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới là những dự án có quy mô lớn, quá trình khảo sát, lập dự án thường diễn ra trong thời gian dài, chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản nên có nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Về nội dung dự thảo Nghị quyết

**** Tại mục I**

***** Tại khoản 1 về nhu cầu nhà ở:**

- Đề nghị làm rõ khoản 1 của dự thảo thay thế một phần hay toàn bộ nội dung Mục III Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

UBND tỉnh giải trình như sau: Khoản 1 của dự thảo thay thế một phần nội dung Mục III Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND

- Gạch đầu dòng thứ nhất: tại Mục III Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND quy định 10 nhóm nhà ở cụ thể trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên dự thảo chỉ nêu chung theo Quyết định số 2161/QĐ-TTg trên toàn quốc mà chưa cụ thể trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, việc không cụ thể hóa về số lượng, loại nhà, nhu cầu về nhà ở của các nhóm đối tượng cần hỗ trợ cải thiện nhà ở như dự thảo có đảm bảo theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. Đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ vấn đề này.

UBND tỉnh tiếp thu và bổ sung nhu cầu của các nhóm đối tượng cần hỗ trợ và cải thiện nhà ở vào dự thảo Nghị quyết.

- Gạch đầu dòng thứ hai dự thảo có nêu: “Nhu cầu nhà ở giai đoạn 2021 - 2025 cần tăng thêm khoảng 33,9 triệu m² sàn; giai đoạn 2026 - 2030 cần tăng thêm khoảng 51,2 triệu m² sàn”. Đề nghị làm rõ diện tích sàn cần tăng thêm so với diện tích thực tế trên địa bàn tỉnh hiện nay hay so với diện tích nêu trong Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND. Đồng thời, đề nghị thuyết minh lý do diện tích tăng thêm khá lớn (85,1 triệu m² sàn) so với diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (khoảng 27,5 triệu m² sàn).

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Diện tích sàn cần tăng thêm giai đoạn 2021-2025 nêu trong dự thảo là so với diện tích thực tế trên địa bàn tỉnh năm 2020; diện tích sàn cần tăng thêm giai đoạn 2026-2030 nêu trong dự thảo là so với diện tích thực tế trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Lý do diện tích tăng thêm khá lớn (85,1 triệu m² sàn) so với diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (khoảng 27,5 triệu m² sàn), gồm 03 lý do chính: tăng dân số; kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng GRDP cao; thực tế phát triển các dự án đầu tư.

- ***** Tại khoản 2 về Nhu cầu diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở:**

Đây là nội dung mới bổ sung so với Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND, đề nghị UBND tỉnh thuyết minh cơ sở để xác định số liệu này.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Nhu cầu về Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở được xác định trong các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh.

- Căn cứ các dự án dự kiến kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030, đã được UBND tỉnh cho chủ trương khảo sát lập quy hoạch (140 dự án đã có chủ trương khảo sát lập quy hoạch với diện tích 100.050ha).

- *** *Tại khoản 3 về Nhu cầu vốn để đầu tư xây dựng nhà ở:*

- *Đề nghị làm rõ khoản 3 của dự thảo thay thế một phần hay toàn bộ nội dung Mục VIII Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.*

- *Trường hợp thay thế toàn bộ Mục VIII Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND, đề nghị UBND tỉnh thuyết minh làm rõ việc điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn so với Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Khoản 3 của dự thảo thay thế toàn bộ nội dung Mục VIII Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

- Bổ sung vào dự thảo Nghị quyết, dự kiến nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2026-2030 khoảng 130 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án nhà ở xã hội.

- ** Tại Mục II:

*** Tại khoản 1 về Điều chỉnh chỉ tiêu phát triển nhà ở đến năm 2025:

- *Gạch đầu dòng thứ nhất “Phần đấu chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 37 m²/người”: Để đảm bảo thực hiện theo Quyết định số 2161/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị điều chỉnh đơn vị tính thành m² sàn/người và nêu rõ trong đó diện tích nhà ở bình quân tại khu vực đô thị là bao nhiêu, khu vực nông thôn là bao nhiêu.*

UBND tỉnh xin tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết, nội dung diện tích nhà ở bình quân tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn được đặt ra như sau: Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt **37 m² sàn/người**. Trong đó, diện tích nhà ở bình quân tại khu vực đô thị là **39 m² sàn/người**, khu vực nông thôn là **36,2 m² sàn/người**.

- *Gạch đầu dòng thứ tư “Toàn tỉnh phần đấu nâng chất lượng nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 95,8%, giảm tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ còn 4,2%”: đề nghị thuyết minh cơ sở xác định tỷ lệ khá cao và vẫn còn tỷ lệ nhà đơn sơ. Trong khi đó, theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND “Tỷ lệ nhà kiên cố lên khoảng 65%; xóa nhà tam, đơn sơ”; theo Quyết định số 2161/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Đến năm 2030, phần đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố trên toàn quốc đạt 85% - 90%, trong đó tại khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt 75% - 80%, không để phát sinh nhà ở đơn sơ trên toàn quốc đặc biệt là khu vực đô thị...”.*

UBND tỉnh giải trình như sau: Việc đặt mục tiêu giảm còn 4,2% chất lượng nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ là phù hợp với thực tế, do hiện tại trên địa bàn

tỉnh vẫn còn 8% nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ (tương đương khoảng hơn 39.000 căn nhà), vì vậy dự kiến việc xóa bỏ nhà tạm, nhà đơn sơ còn nhiều khó khăn. Nếu đặt mục tiêu xóa bỏ nhà tạm, nhà đơn sơ, sẽ phải sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện hỗ trợ cho 39.000 căn nhà hiện tại, phương án này đánh giá là không khả thi do nguồn lực quá lớn và không phù hợp với tình hình hiện tại của tỉnh.

- **** Tại Mục III:**

- Trong một số giải pháp được nêu tại dự thảo có sử dụng nguồn vốn ngân sách (tỉnh và Trung ương), tuy nhiên tại khoản 3 Mục I về nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2030 thì ngân sách không còn bố trí. Đề nghị UBND thuyết minh làm rõ.

UBND tỉnh xin tiếp thu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết, dự kiến nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2026-2030 khoảng 130 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án nhà ở xã hội.

- Tại khoản 1.2. Giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất: đề nghị làm rõ đây là quy hoạch gì, có đảm bảo đầy đủ và phù hợp với quy định điểm e khoản 2 Điều 3 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP: “Các giải pháp để thực hiện chương trình, trong đó nêu rõ các giải pháp về cơ chế chính sách nhà ở do địa phương ban hành, quy hoạch xây dựng, bố trí quỹ đất và hình thức đầu tư xây dựng các loại nhà ở, giải pháp khoa học, công nghệ xây dựng để giảm chi phí xây dựng, huy động các nguồn vốn, cơ chế ưu đãi tài chính, đất đai, phương án thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội cho từng nhóm đối tượng theo quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở”.

UBND tỉnh giải trình như sau: Giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất là giải pháp về quy hoạch xây dựng phù hợp với quy định tại Điểm e khoản 2 Điều 3 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP: “Các giải pháp để thực hiện chương trình, trong đó nêu rõ các giải pháp về cơ chế chính sách nhà ở do địa phương ban hành, quy hoạch xây dựng,....”

Hiện nay Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Phát triển nhà ở Quốc gia giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó tại khoản 2 Mục III có nêu “Nhóm giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất”.

Do vậy giải pháp về quy hoạch, phát triển quỹ đất đã nêu trong nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP và Quyết định số 2161/QĐ-TTg của Chính phủ.

- Các nội dung khác: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

12. Tờ trình về việc phân bổ vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Tờ trình về việc phân bổ vốn năm 2022 nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

* Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội: *Bổ sung Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo,*

xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 vào căn cứ ban hành Nghị quyết.

UBND tỉnh tiếp thu, đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

13. Tờ trình về nội dung chi và mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Long An đến năm 2030

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Đề nghị giải trình rõ “các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan” cụ thể gồm những đối tượng nào.

UBND tỉnh giải trình như sau: “các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan” là: cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý các HTX, đơn vị tư vấn, đại diện về sở hữu công nghiệp,...”.

- * Tại điểm a khoản 2 Điều 1 về Đối với đăng ký bảo hộ trong nước: đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm việc không đề xuất quy định mức chi hỗ trợ đối với “đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới” theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC, vì phạm vi Nghị quyết này chỉ quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ, còn việc thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thì vẫn áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng”.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Khoản 2 Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng”.

- Tại Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “Trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng....”.

- Ngoài ra, những nội dung khác có liên quan đến việc hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Vì vậy tại điểm a, khoản 2, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết không đề xuất quy định mức chi hỗ trợ đối với “đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới”.

- Đề nghị cân nhắc sự cần thiết bổ sung thêm nội dung về: phương pháp hỗ trợ và nguyên tắc hỗ trợ cụ thể để áp dụng thực hiện (vì có thể xảy ra một số trường hợp như: một đối tượng đăng ký nhiều nội dung, đối tượng sở hữu trí tuệ đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, trường hợp thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...).

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Về phương pháp hỗ trợ sẽ được nêu cụ thể trong Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Về nguyên tắc hỗ trợ, UBND tỉnh tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.
- Các nội dung khác: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

14. Tờ trình về quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022-2030

* Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Tại điểm a khoản 5 Điều 3: đề nghị rà soát các nội dung chi đã được quy định tại Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 của HĐND tỉnh về Chính sách hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025 (cụ thể như tại điểm h khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND quy định: “Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng”) thì dẫn chiếu thực hiện theo Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 nhưng chưa có hướng dẫn triển khai cụ thể tại địa phương.

Do đó, UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 về Chính sách hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025, trong đó lồng ghép nội dung “Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng” nhằm tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp; tuy nhiên, nội dung hỗ trợ này chưa được đầy đủ các nhu cầu hỗ trợ đối với doanh nghiệp hàng năm như: hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; hỗ trợ xây dựng, công bố hợp chuẩn, hợp quy,...

- Ngày 19/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Trong đó, có yêu cầu xây dựng quy định cụ thể triển khai tại địa phương nên việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết lần này là cần thiết. Các nội dung và định mức quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết lần này đã bao gồm các nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Vì vậy, khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này thì nội dung quy định tại

điểm h khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/3/2021 của HĐND tỉnh sẽ hết hiệu lực thi hành và UBND tỉnh đã điều chỉnh, bổ sung Điều 3 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

- Các nội dung khác: UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

15. Tờ trình về việc phê duyệt chế độ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị tại Khoa Nội cán bộ - Lão khoa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An

* Ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội:

“1. Về trích yếu nội dung Nghị quyết là: “phê duyệt chế độ hỗ trợ tiền ăn...” nhưng Điều 1 dự thảo Nghị quyết lại là: “Thống nhất chế độ hỗ trợ tiền ăn...””.

Theo Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách. Do vậy, Ban Văn hóa-Xã hội đề nghị điều chỉnh từ ngữ lại cho thống nhất và phù hợp thẩm quyền HĐND tỉnh như sau: “

NGHỊ QUYẾT

Về quy định chế độ hỗ trợ tiền ăn ...

.....

Điều 1. Thống nhất quy định chế độ hỗ trợ tiền ăn... ”

2. Đề nghị bố cục Điều 1 thiết kế thành các khoản như sau: “1. Phạm vi điều chỉnh; 2. Đối tượng được hỗ trợ; 3. Mức tiền ăn; 4. Hình thức hỗ trợ; 5. Thời gian hỗ trợ”.

3. Dùng từ “cán bộ” là chưa phù hợp và đảm bảo đầy đủ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng nêu trong dự thảo Nghị quyết. Do đó, Ban đề nghị dùng cụm từ: “bệnh nhân” thay từ “Cán bộ” và thể hiện như sau:

“Điều 1. Thống nhất quy định chế độ hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân khi nằm viện điều trị...”

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân khi nằm điều trị tại Khoa Nội cán bộ - Lão khoa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An”.

4. Về Đối tượng được hỗ trợ (khoản 2 điều 1 dự thảo Nghị quyết): Ban nhận thấy ghi như dự thảo Nghị quyết vừa trùng, vừa chưa rõ đối tượng. Do đó, Ban đề nghị điều chỉnh khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau: “2. Đối tượng được hỗ trợ, gồm:

- Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;
- Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;
- Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Thương binh, Bệnh binh từ 81% trở lên;
- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ

lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (cán bộ tiền khởi nghĩa);

- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;
- Cán bộ tham gia kháng chiến nhiệm chất độc hóa học từ 81% trở lên;
- Nghệ sỹ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sỹ ưu tú, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;
- Cán bộ được lập sổ khám, chữa bệnh tại Khoa Nội cán bộ - Lão khoa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An có tham gia cách mạng trước ngày 30/4/1975.

(Các đối tượng được hỗ trợ này có trong danh sách của Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý, cung cấp)."

5. Về Hình thức hỗ trợ, đề nghị điều chỉnh như sau: "Mức tiền ăn nêu trên được hỗ trợ vào suất ăn bệnh lý cho bệnh nhân do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Long An cung cấp và thực hiện thanh quyết toán với ngân sách nhà nước theo quy định".

6. Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ: "kỳ họp chuyên đề năm 2022".)

UBND tỉnh tiếp thu, đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

16. Tờ trình về quy định mức thu học phí trong năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An

* Ý kiến Ban Văn hóa - Xã hội:

- "Không đưa cột quy định về mức thu học phí theo hình thức học online vào dự thảo nghị quyết và đề nghị chỉnh sửa nội dung này thành: "Những cơ sở giáo dục công lập dạy học trực tuyến (online) thu học phí bằng 75% mức thu học phí tại điểm a khoản 1 điều này".

UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

- Về cơ sở quy định mức thu học phí theo hình thức dạy học trực tuyến (online) bằng 75% mức thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên: "(1) Nội dung dạy học trực tuyến phải đáp ứng mức độ cần đạt hoặc yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông. (2) Bảo đảm các điều kiện tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật dạy học trực tuyến và đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến. (3) Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin, quy định về dữ liệu, thông tin cá nhân, sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật."

Trên thực tế, để triển khai dạy học trực tuyến cần có hệ thống dạy học trực

tuyển là phần mềm ứng dụng để tổ chức và quản lý lớp học qua Internet; cho phép giáo viên và học sinh có thể giao tiếp, tương tác trực tiếp được với nhau để tổ chức hoạt động dạy học. Trong thời gian học sinh học trực tuyến các cơ sở giáo dục chi trả: chi phí tiền lương của giáo viên trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lý và nhân viên của đơn vị; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật dạy học trực tuyến theo quy định; thực hiện các chi phí khác để phục vụ hoạt động của bộ phận quản lý và các chi phí về phòng, chống dịch bệnh. Tuy nhiên, học trực tuyến không phát sinh nhiều chi phí điện, nước tại cơ sở giáo dục, khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý. Mức học phí trực tuyến không tính 5% chi phí quản lý và 20% chi phí khấu hao tài sản. Do đó, UBND tỉnh đề xuất quy định mức thu học phí dạy học trực tuyến bằng 75% mức thu học phí dạy học trực tiếp.

Về chi phí phát sinh thực tế làm cơ sở để tính thu học phí theo hình thức học trực tuyến (online): Trích thực hiện cải cách tiền lương theo quy định (trên cơ sở tổng nguồn thu): 40%. Nguồn thu học phí còn lại để sử dụng là 60%, phần này dùng để chi lương và các khoản phụ cấp theo lương, chi chế độ tiền lương dạy thêm giờ: 81%; chi hoạt động (phục vụ học tập và giảng dạy học trực tuyến): 19%.

B. Ý KIẾN CỦA CÁC TỔ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

I. Về các Báo cáo của UBND tỉnh

1. Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

a) Cụm số 03: Đề nghị tỉnh tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, trong từng bước của quy trình, thủ tục GPMB để đẩy nhanh tiến độ GPMB đối với các dự án trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Ngày 04/11/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TU để nâng cao hiệu lực, hiệu quả về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 748/KH-UBND ngày 15/3/2022 về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn tỉnh năm 2022. Đồng thời, UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh để kịp thời kiểm tra, đôn đốc cũng như tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án.

b) Cụm số 02: Trong triển khai thực hiện một số ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, có một số việc đã được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, nhưng vẫn còn chậm, chưa có kết quả rõ nét như: (1) Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn 339/HĐND-KTNS ngày 29/6/2022 đề nghị UBND tỉnh rà soát các dự án đã có chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất, báo cáo chậm nhất ngày 15/7/2021, tuy nhiên đến nay HĐND tỉnh vẫn chưa nhận được báo cáo về vấn đề trên; (2) Nhiều tài liệu trình tại kỳ họp, nhất là kỳ họp thứ 6 này, UBND tỉnh gửi đến HĐND tỉnh trễ so với lịch trình đã thống nhất, gây khó khăn cho việc thẩm tra của các Ban

của HĐND tỉnh và việc nghiên cứu, thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh (Tổ Bến Lức).

Nội dung này, UBND tỉnh ghi nhận, sẽ tiếp tục chỉ đạo chấn chỉnh công tác chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh trong thời gian tới với tinh thần đưa ra khỏi chương trình kỳ họp những nội dung chậm trễ thời gian so với quy định của Thường trực HĐND tỉnh (trừ những nội dung thật sự cần thiết).

2. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2022

a) Về Công tác phòng, chống dịch:

** Cụm số 01:*

- Phần hạn chế nêu tại Báo cáo của UBND tỉnh chưa đề cập đến việc triển khai thực hiện tiêm vắc-xin ngừa COVID-19 mũi 4 cho đối tượng từ 18 tuổi trở lên và việc tiêm vắc-xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Đề nghị UBND tỉnh phân tích, đánh giá thêm việc người dân có tâm lý lo sợ tác dụng của vắc-xin, không đồng ý tiêm mũi nhắc lại (mũi 3, mũi 4) với các nguyên nhân như tiêm vắc-xin gây mất trí nhớ, đã mắc bệnh rồi không cần tiêm nữa,... Từ đó, có các giải pháp cụ thể giúp tỉnh kiểm soát tốt dịch bệnh trong 6 tháng cuối năm 2022, nhất là thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho người dân biết về biến thể mới và lợi ích của việc tiêm vắc-xin phòng COVID-19; vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân tham gia tiêm chủng kịp thời, đầy đủ để đạt được hiệu quả phòng bệnh tốt nhất.

- UBND tỉnh sớm có đề xuất, kiến nghị với Bộ Y tế để có thuốc tiêm ngừa vắc-xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi, vì hiện nay chưa có vắc-xin ngừa COVID-19 cho trẻ em trong độ tuổi này, mà chủ yếu sử dụng vắc-xin của người lớn chia nhỏ liều để tiêm ngừa. Đồng thời, đề xuất UBND tỉnh nên có văn bản định hướng trong hệ thống chính trị và các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân tiêm ngừa vắc-xin mũi 4 nhằm ngăn chặn biến thể mới.

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Hiện nay, Tỉnh đang triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi 4 cho người từ 18 tuổi trở lên và mũi 1, mũi 2 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Kết quả tiêm vắc xin mũi 3, mũi 4 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt được lần lượt là 96,3% (mũi 3); 50,5% (mũi 4) và trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi mũi 1 đạt tỷ lệ 78,4%, mũi 2 đạt tỷ lệ 60,3%. Tiến độ tiêm các mũi 4 (người từ 18 tuổi trở lên), mũi 3 (cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi) so với trước đây tương đối chậm hơn, nguyên nhân do tâm lý lo sợ của người dân như sau tiêm vắc-xin gây mất trí nhớ, đã mắc bệnh rồi không cần tiêm nữa, tâm lý chủ quan dịch Covid-19 đã được kiểm soát tốt nên không còn lây lan nữa... Tuy nhiên theo khuyến cáo của Bộ Y tế, sau tiêm vắc xin phòng Covid-19 hay sau khi khỏi bệnh Covid-19 một thời gian khả năng hệ miễn dịch của cơ thể chống lại Covid-19 bị suy yếu, nếu không tiêm mũi nhắc thì có thể sẽ mắc lại và diễn tiến nặng. Hơn nữa, hiện nay đang xuất hiện biến chủng mới BA.4, BA.5 của Omicron và có tốc độ lây lan nhanh. Qua phân tích đánh giá

khả năng bùng phát dịch rất cao nếu lơ là chủ quan, Tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp phòng chống dịch Covid-19, trong đó xác định đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc xin là một trong những giải pháp ưu tiên hàng đầu. Từ đó Tỉnh đã chỉ đạo sở, ban ngành và các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích của việc tiêm vắc xin; ban hành các văn bản chỉ đạo số 5189/UBND-VHXH ngày 13/6/2022, công văn số 5803/UBND-VHXH ngày 28/6/2022 và tổ chức họp Sở Chỉ huy với các địa phương để đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng và thực hiện theo phương châm đi từng ngõ gõ từng nhà để động viên, khuyến khích người dân đi tiêm chủng. Bên cạnh đó, Tỉnh đã quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia tiêm chủng kịp thời, đầy đủ, đúng thời gian quy định để đạt được hiệu quả phòng bệnh tốt nhất và xem đây là nhiệm vụ chính trị, quyền lợi của mỗi cá nhân. Do vậy, tiến độ tiêm vắc xin cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh hiện nay có cải thiện rõ rệt.

- Hiện nay, số lượng vắc xin tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi không thiếu, tỉnh đã dự trữ vắc xin theo đăng ký của các địa phương. Việc sử dụng vắc xin tiêm chủng cho trẻ em luôn theo hướng dẫn của Bộ Y tế (văn bản hướng dẫn số 3309/BYT-DP ngày 23/6/2022 và văn bản số 3405/BYT-DP ngày 29/6/2022 V/v Hướng dẫn tiêm vắc xin phòng Covid-19) vắc xin tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi gồm 2 loại là Pfize và Moderna.

b) Về Nông nghiệp:

* *Cụm số 01: Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Báo cáo của UBND tỉnh chỉ nêu năng suất và sản lượng, chưa đánh giá hiệu quả, nhất là đánh giá hiệu quả trên các loại cây trồng. Đề nghị UBND tỉnh có đánh giá cụ thể, từ đó đề ra định hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.*

UBND tỉnh tiếp thu, sẽ chỉ đạo rà soát, đánh giá cụ thể để đề ra định hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

- *Tại trang 7, mục e Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phần chú thích số 18 về cây lúa- đề nghị UBND tỉnh bổ sung số liệu của huyện Thủ Thừa đã thực hiện 102ha/500ha.*

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát và điều chỉnh lại huyện Thủ Thừa đã thực hiện 102ha/500ha.

- *Hiện nay, tình hình xuất khẩu thanh long khó khăn, giá bán không đủ bù chi phí sản xuất. Một số hộ dân đã chặt bỏ thanh long, chuyển sang trồng các loại cây khác. Để cây thanh long phát triển bền vững, ngành nông nghiệp cũng đã khuyến cáo người dân cố gắng giữ vườn. Tuy nhiên, tỉnh vẫn chưa có định hướng, giải pháp, cũng như chính sách cụ thể nào để hỗ trợ người dân tại các huyện có diện tích trồng thanh long lớn. Đề nghị tỉnh chỉ đạo ngành nông nghiệp có giải pháp, lộ trình cụ thể để hướng dẫn người dân thay đổi tập quán sản xuất theo quy trình công nghệ cao, hướng đến xuất khẩu thanh long chính ngạch.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

Trước tình trạng người dân chặt bỏ thanh long, chuyển sang cây trồng

khác, UBND tỉnh đã có báo cáo gửi Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT phối hợp các ngành liên quan tập trung hỗ trợ người dân, hướng dẫn người trồng thanh long thực hiện các giải pháp sản xuất bền vững như:

- Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc sản xuất, tiêu thụ trái thanh long trong giai đoạn hiện nay, nhất là việc tuân thủ các quy định của nước nhập khẩu thanh long về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và phòng chống Covid-19; tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên cây thanh long; chính sách hỗ trợ VietGAP, liên kết sản xuất với tiêu thụ; xây dựng, củng cố các HTX sản xuất thanh long để làm đầu mối liên kết sản xuất với tiêu thụ; hướng dẫn, bố trí rải vụ thu hoạch thanh long về quy mô diện tích, sản lượng; theo dõi, dự báo thông tin thị trường,...

- Tập trung xây dựng, thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo đúng quy định; tăng cường quản lý, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói thanh long đảm bảo đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu; xử lý nghiêm các trường hợp cho mượn, mạo danh mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói làm ảnh hưởng đến xuất khẩu thanh long; đảm bảo 100% vùng trồng, cơ sở đóng gói được cấp mã số được quản lý, kiểm tra, giám sát theo quy định; triển khai, thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng và kiểm soát đối với chỉ dẫn địa lý “Châu Thành Long An” cho quả thanh long để nâng cao giá trị trái thanh long.

- Triển khai xây dựng chuỗi giá trị thanh long theo hình thức liên kết từ khâu sản xuất ban đầu đến sơ chế, bảo quản, tiêu thụ và được kiểm soát chặt chẽ từ vật tư đầu vào đến áp dụng quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng đầu ra sản phẩm; rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách để sản xuất, phát triển bền vững cây thanh long; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, liên kết tiêu thụ sản phẩm và tăng cường công tác thông tin, dự báo, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tập trung mở rộng, phát triển thị trường nội địa thông qua các hoạt động kết nối sản xuất với tiêu thụ; quảng bá, giới thiệu về lợi ích của trái thanh long tại các tỉnh, thành phố, hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ truyền thống,...; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ sản phẩm thanh long. Thường xuyên phối hợp với các địa phương biên giới phía Bắc nắm tình hình vận chuyển, tiêu thụ thanh long tại các cửa khẩu biên giới; kịp thời cung cấp thông tin đến các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã để chủ động điều tiết nguồn hàng lên cửa khẩu. Phối hợp với Tham tán thương mại Việt Nam tại các nước để kết nối, quảng bá sản phẩm thanh long; thông tin tình hình, nhu cầu tiêu thụ thanh long; quy định về kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm,... của các thị trường nhập khẩu, nhất là các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng.

** Cụm số 04: Tỉnh nên xem xét nơi nào trồng lúa không có hiệu quả mới cho phép chuyển đổi cây trồng vật nuôi; quan tâm chuyển đổi cây ăn quả cho các huyện Đồng Tháp Mười; quan tâm phát triển vùng lúa ứng dụng công nghệ cao.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Về ý kiến tỉnh nên xem xét nơi nào trồng lúa không có hiệu quả mới cho phép chuyển đổi cây trồng vật nuôi:

Điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Trồng trọt năm 2018 và Khoản 1 Điều 13 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phải đáp ứng một số yêu cầu, điều kiện cụ thể như sau:

+ Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, nhu cầu thị trường, điều kiện nguồn nước và khí hậu, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt (Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa tại địa phương).

+ Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;

+ Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cm (1,2 mét) so với mặt ruộng.

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa thực theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định 94/2019/NĐ-CP, Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Long An về việc công bố TTHC thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Long An.

Tuy nhiên hiện nay do sản xuất lúa có hiệu quả thấp người dân tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi rất nhiều nhất là tại các huyện vùng ĐTM. UBND tỉnh đã có nhiều chỉ đạo cho các địa phương thực hiện quản lý chặt chẽ đất lúa theo quy định pháp luật đồng thời đã kiến nghị Trung ương có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho người trồng lúa phù hợp.

- Về ý kiến quan tâm chuyển đổi cây ăn quả cho các huyện Đồng Tháp Mười: Trước thực trạng nhiều địa phương ồ ạt chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn quả, nuôi thủy sản (tập trung ở các huyện vùng Đồng Tháp Mười) do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn, xâm nhập mặn, dịch covid-19 cùng với giá lúa không ổn định, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT khảo sát, kiểm tra tình hình nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thu thập thông tin về kỹ thuật trồng, khả năng thích ứng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng và thị trường tiêu thụ của từng loại cây trồng. Tỉnh cũng đang triển khai xây dựng Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng Đồng Tháp Mười đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025; Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nuôi thủy sản vùng Đồng Tháp Mười tỉnh Long An giai đoạn 2021 – 2030.

- Về ý kiến quan tâm phát triển vùng lúa ứng dụng công nghệ cao: So với giai đoạn 2016 - 2020 thì ở giai đoạn 2021 - 2025 Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã quan tâm phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nói chung và trên cây lúa nói riêng theo đó vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã tăng về quy mô diện tích, cũng như chính sách hỗ trợ, cụ thể như sau:

+ Về quy mô diện tích thực hiện: Giai đoạn 2016-2020, diện tích thực hiện vùng lúa ứng dụng công nghệ cao là 20.000 ha. Đến giai đoạn 2021-2025, diện tích thực hiện theo kế hoạch đã tăng lên 60.000 ha.

+ Về chính sách hỗ trợ: Giai đoạn 2016-2020 chỉ thực hiện chính sách hỗ trợ cho mô hình điểm, mô hình nhân rộng; Giai đoạn 2021-2025, ngoài hỗ trợ mô hình điểm, mô hình nhân rộng, tỉnh đã tập trung hỗ trợ vùng sản xuất ứng dụng công nghệ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và tăng thời gian hỗ trợ lên 2-3 năm/mô hình.

* *Cụm số 02, 04: Hiện nay, giá xăng dầu và vật tư nông nghiệp tăng cao, chi phí sản xuất của nông dân tăng theo, trong khi giá nông sản chưa bền vững, vẫn còn tình trạng thương lái ép giá. Đề nghị tỉnh có giải pháp hỗ trợ hiệu quả nông dân trong khâu sản xuất, thu mua và tiêu thụ nông sản, trong đó có trái thanh long.*

UBND tỉnh giải trình như sau: Đây là vấn đề luôn được UBND tỉnh quan tâm và chỉ đạo các ngành phối hợp thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong khâu sản xuất, thu mua và tiêu thụ nông sản cho người dân. Một số giải pháp đang được triển khai như: Hướng dẫn người dân sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối và hiệu quả; hướng dẫn rải vụ sản xuất thanh long tại địa phương, bố trí cho trái đều trong các tháng của mùa vụ, tránh trường hợp tập trung thu hoạch cùng một thời điểm, dẫn đến cung vượt cầu, gây ứ đọng, không tiêu thụ hết, giá bán thấp; từng bước hạn chế số lượng, giảm sản lượng thanh long chính vụ, tăng sản lượng thanh long trái vụ, tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng để nâng cao giá trị trái thanh long; hướng dẫn liên kết sản xuất theo hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác; Xây dựng vùng thanh long ứng dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; Xây dựng, thiết lập, quản lý mã số vùng trồng; Triển khai, thực hiện việc quản lý, sử dụng và kiểm soát đối với chỉ dẫn địa lý “Châu Thành Long An” cho quả thanh long; Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ.

c) *Về giá dịch vụ xử lý rác:*

Cụm số 02: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, mức giá năm 2022 lại thấp hơn bảng giá cũ trước đây, nên các địa phương gặp khó khăn trong thực hiện (thu không đủ chi cho việc vận chuyển, xử lý rác). Đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh lại giá cho sát thực tế (Tổ Bến Lức, Cần Giuộc).

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh đã có văn bản số 5697/UBND-KTTC ngày 27/6/2022 giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát, có hướng dẫn cụ thể đối với việc áp dụng giá tối đa

dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

d) Về phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn:

Cụm số 02: Đối với các địa phương gần về đích, đề nghị tỉnh quan tâm, tập trung ưu tiên phân bổ, để huyện sớm hoàn thành các tiêu chí huyện Nông thôn mới (Tổ Cần Đước).

UBND tỉnh giải trình như sau: Giai đoạn 2021-2025, Trung ương phân bổ cho tỉnh 802.410 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển) để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Hiện nay, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh Phương án phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, trong đó các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình sẽ được ưu tiên bố trí vốn theo hệ số quy định. Sau khi được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định hỗ trợ cho các địa phương.

đ) Về phân cấp quản lý đê bao:

Cụm số 02: Đối với các tuyến đê bao thuộc cấp tỉnh quản lý đã được đầu tư hoàn chỉnh, nên phân cấp về cho cấp huyện quản lý và tỉnh có phân cấp ngân sách cho huyện theo lộ trình hằng năm, để chủ động, kịp thời trong việc duy tu, dặm vá, sửa chữa, đảm bảo an toàn và phục vụ nhu cầu đi lại, lưu thông của nhân dân (Tổ Cần Đước).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Các công trình thủy lợi, đê điều được phân cấp quản lý dựa vào quy định về năng lực phục vụ của công trình, tính hệ thống, độ phức tạp về kỹ thuật, quy mô công trình theo quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều và đã được UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý tại Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh và cụ thể hóa danh mục phân cấp tại Quyết định 345/QĐ-UBND ngày 04/02/2020.

Bên cạnh đó, các tuyến đê bao cặp theo các tuyến sông lớn như Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây trên địa bàn huyện Cần Đước mang tính hệ thống, vận hành ảnh hưởng chung đến khu vực, phức tạp về tính chất kỹ thuật (kênh, đê, cống) đòi hỏi phải được vận hành, khai thác đồng bộ, thống nhất nên phân cấp tỉnh quản lý.

Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp tốt với các địa phương trong việc quản lý, khai thác, bảo trì sửa chữa công trình bằng việc xây dựng quy chế phối hợp, vận hành, điều tiết nước, thực hiện việc bảo trì sửa chữa công trình để đảm bảo duy trì công năng phục vụ sản xuất, dân sinh, duy trì mặt đê bằng phẳng đảm bảo giao thông nông thôn cho khu vực.

Thời gian tới, UBND tỉnh sẽ giao Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương rà soát, thống nhất những công trình có quy hoạch hạ tầng giao thông trùng với các tuyến đê hiện đang phân cấp tỉnh quản lý, đề xuất UBND tỉnh xem xét chuyển đổi công năng, bàn giao cho địa phương để đầu tư hạ tầng giao thông theo quy hoạch để địa phương thực hiện.

e) Về chính sách tái định cư:

Cụm số 02: Hiện nay, chính sách tái định cư vẫn còn một số khó khăn, bất cập, nhất là giá bồi thường thấp, nhiều địa phương không có quỹ đất để tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án, đề nghị tỉnh quan tâm điều chỉnh chính sách tái định cư phù hợp, giúp người dân an tâm, ổn định cuộc sống (Tổ Cần Đức).

UBND tỉnh giải trình như sau: Đối với kiến nghị nêu trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An, trong đó có bổ sung một số trường hợp được hưởng chính sách nhận chuyển nhượng lô nền ưu đãi theo diện tích đất bị thu hồi đất; hiện nay dự thảo đang lấy ý kiến các đơn vị liên quan và sẽ ban hành trong thời gian tới.

g) Về giao thông:

** Cụm số 01: Đề nghị tỉnh quan tâm mở rộng tuyến đường đoạn từ Ngã 3 Nhơn Thạnh Trung đến cầu Cống Liễu, huyện Tân Trụ nhằm tạo điều kiện cho người dân di chuyển được thuận lợi; sớm cắm mốc tim, tuyến đối với khu vực Quốc lộ 50B (trước đây là ĐT.827), vì hiện nay người dân tại khu vực này bị hạn chế quyền mua, bán, chuyển nhượng do chưa xác định được ranh cụ thể.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

+ Mở rộng tuyến đường đoạn từ Ngã 3 Nhơn Thạnh Trung đến cầu Cống Liễu:

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 có danh mục “Nâng cấp ĐT.833 đoạn từ ngã tư Lạc Tấn UBND huyện Tân Trụ”. Sở Giao thông vận tải đã thông qua đề xuất chủ trương đầu tư dự án, thống nhất bổ sung đoạn Ngã 3 Nhơn Thạnh Trung đến cầu Cống Liễu vào dự án trên để thực hiện cho đồng bộ từ giao với đường vành đai TP. Tân An (Nhơn Thạnh Trung) đến UBND huyện Tân Trụ. Sở Giao thông vận tải đang hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình phê duyệt theo quy định.

+ Sớm cắm mốc tim, tuyến đối với khu vực Quốc lộ 50B: UBND tỉnh ghi nhận, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát kỹ hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

** Cụm số 04: Vùng Đồng Tháp Mười chủ yếu phát triển nông nghiệp, hạ tầng yếu, đề nghị tỉnh quan tâm đầu tư phát triển giao thông, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội các huyện vùng Đồng Tháp Mười.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025, vùng Đồng Tháp Mười có danh mục đầu tư như sau:

- Công trình đang triển khai thi công: cầu KT2, cầu Thủy Lợi và cầu Cái Môn Nhỏ, huyện Tân Hưng; Cải tạo, nâng cấp ĐT.817 đoạn Mỹ Lạc - Thạnh Phước - Mộc Hóa, huyện Thạnh Hóa, Mộc Hóa.

- Công trình khởi công năm 2022: Cầu kênh 79 trên đường vành đai thị

trần Tân Hưng.

- Công trình khởi công năm 2023: Đường tỉnh 819, huyện Tân Hưng; Đường cấp kênh Sông Trăng đoạn từ biên giới đến Thạnh Hưng, huyện Tân Hưng; Cầu Cà Gù, huyện Tân Thạnh.

- Công trình khởi công năm 2024-2025 hiện đang đề xuất chủ trương đầu tư: ĐT.837B đoạn còn lại, huyện Tân Thạnh - Tân Hưng; Nâng cấp, mở rộng ĐT.836, huyện Tân Thạnh; ĐT.836B và 03 cầu trên tuyến; Các cầu trên tuyến đường liên xã Thủy Tây - Thạnh An, huyện Thạnh Hóa; Cầu Cà Nhíp, huyện Tân Thạnh; 06 cầu còn lại trên tuyến ĐT.831, huyện Vĩnh Hưng.

UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là công tác tuyên truyền, vận động người dân sớm đồng thuận, bàn giao mặt bằng thi công, đáp ứng yêu cầu phát triển chung.

h) Về tài chính - ngân sách:

** Cụm số 01: Hiện nay, mặt bằng lương ở cấp cơ sở rất thấp, trong khi đó lực lượng này trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của cấp huyện, cấp tỉnh giao. Đề nghị tỉnh xem xét, có cơ chế riêng đối với cấp cơ sở để lực lượng này đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.*

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, theo đó tại tỉnh Long An triển khai thực hiện như sau:

- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố:

Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An, theo đó quy định chế độ phụ cấp, trợ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã gồm: (i) Phụ cấp¹; (ii) Trợ cấp theo trình độ đào tạo²; (iii) Phụ cấp theo thâm niên công tác³; (iv) phụ cấp kiêm nhiệm⁴; (v) Chế độ chính sách khác⁵

¹ Người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng 1.490.000 đồng/người/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh phụ cấp này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với hệ số 1,0)

² Không có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đang hưởng trợ cấp mất sức lao động được trợ cấp 260.000 đồng/người/tháng.

- Tốt nghiệp sơ cấp chuyên môn, nghiệp vụ được trợ cấp 450.000 đồng/người/tháng.

- Tốt nghiệp trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ được trợ cấp 850.000 đồng/người/tháng.

- Tốt nghiệp cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ được trợ cấp 1.150.000 đồng/người/tháng.

- Tốt nghiệp đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên hoặc đại học chính trị được trợ cấp 1.450.000 đồng/người/tháng.

³ - Có trình độ sơ cấp chuyên môn, nghiệp vụ và cứ 02 năm công tác liên tục thì được cộng thêm phụ cấp thâm niên 120.000 đồng/người/tháng và không quá 12 lần phụ cấp thâm niên.

- Có trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ và cứ 02 năm công tác liên tục thì được cộng thêm phụ cấp thâm niên 130.000 đồng/người/tháng và không quá 12 lần phụ cấp thâm niên.

Riêng đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng⁶; phụ cấp kiêm nhiệm⁷; chế độ chính sách khác⁸; trường hợp người trực tiếp tham gia vào công việc ở ấp, khu phố (kể cả cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố trực tiếp tham gia vào công việc ở ấp, khu phố) được hưởng mức bồi dưỡng hàng tháng (bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế)⁹.

- Đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn

Đối với Cán bộ, công chức công tác ở xã, phường thị trấn đã tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng lương, phụ cấp, và các chế độ chính sách khác như cán bộ, công chức cấp huyện, cấp tỉnh.

Đối với Công chức cấp xã chưa tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, trên cơ sở Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, ngày 04/8/2020 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND về việc quy định số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An, theo đó lương của cán bộ, công chức ở xã gồm: *“Công chức cấp xã chưa tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được*

- Có trình độ cao đẳng chuyên môn, nghiệp vụ và cứ 03 năm công tác liên tục thì được cộng thêm phụ cấp thâm niên 220.000 đồng/người/tháng và không quá 10 lần phụ cấp thâm niên.

- Có trình độ đại học chuyên môn, nghiệp vụ trở lên hoặc đại học chính trị và cứ 03 năm công tác liên tục thì được cộng thêm phụ cấp thâm niên 240.000 đồng/người/tháng và không quá 10 lần phụ cấp thâm niên.

- Không có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đang hưởng trợ cấp mất sức lao động thì không có phụ cấp thâm niên.

⁴ Bằng 50% gồm mức phụ cấp hàng tháng cộng trợ cấp theo trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng của người kiêm nhiệm.

⁵ - Được tham gia bảo hiểm y tế theo mức đóng hàng tháng do pháp luật bảo hiểm y tế quy định, trong đó ngân sách cấp xã đóng 2/3, cá nhân đóng 1/3.

- Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo mức đóng hàng tháng do pháp luật bảo hiểm xã hội quy định, trong đó ngân sách nhà nước đóng 14% mức đóng theo quy định, cá nhân 8% mức đóng theo quy định; được áp dụng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất nhưng không được áp dụng chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Khi cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, công tác được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi được bầu giữ các chức vụ cán bộ cấp xã thì được chuyển xếp lương tương ứng.

- Công an viên được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định này và các chế độ, chính sách theo quy định của Pháp lệnh Công an xã, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

⁶ - Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận: 1.800.000 đồng/người/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh phụ cấp này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với hệ số 1,2).

- Trưởng ấp, khu phố: 1.800.000 đồng/người/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh phụ cấp này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với hệ số 1,2).

- Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố: 1.200.000 đồng/người/tháng (khi mức lương cơ sở tăng thì được điều chỉnh phụ cấp này theo cách tính: Mức lương cơ sở đang có hiệu lực nhân với hệ số 0,8).

⁷ Người kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm

⁸ - Được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình hàng năm trong thời gian đương nhiệm do ngân sách cấp xã đóng 2/3, cá nhân đóng 1/3 (trừ các đối tượng là cán bộ hưu trí, mất sức hoặc đối tượng khác có bảo hiểm y tế theo chế độ quy định).

- Khi cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, công tác được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

⁹ - Phó Bí thư Chi bộ hoặc Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận; Phó Trưởng ấp, khu phố: tối thiểu 800.000 đồng/người/tháng.

- Công an viên phụ trách ấp: tối thiểu 450.000 đồng/người/tháng.

- Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh: tối thiểu 350.000 đồng/người/tháng.

Ngoài ra người trực tiếp tham gia vào công việc ở ấp, khu phố còn được hưởng mức bồi dưỡng từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

hưởng lương bằng hệ số 1,18 so với mức lương tối thiểu theo quy định; Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP¹⁰ và Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV¹¹”.

Như vậy chế độ chính sách cấp cơ sở (người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn) được thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Căn cứ khoản 4, Điều 9 Luật NSNN năm 2015, quy định “...việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp...”.

Căn cứ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, quy định “...Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động thương binh và Xã hội, và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp”

Căn cứ điểm 4, mục III Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, theo đó chỉ đạo “Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước...”. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 8476/VPCP-KTTH ngày 06/9/2019 của Văn phòng Chính phủ, chỉ đạo “từ nay đến khi ban hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, không xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành”.

Qua kiến nghị của Tổ đại biểu UBND tỉnh ghi nhận và đề nghị thực hiện theo quy định và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

¹⁰ Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gồm: 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm

¹¹ a) Cán bộ cấp xã đang xếp lương theo bảng lương chức vụ mà kiêm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của chức vụ kiêm nhiệm;

b) Cán bộ cấp xã đang xếp lương như công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo mà kiêm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của ngạch công chức hành chính đang xếp cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ kiêm nhiệm;

c) Cán bộ cấp xã mà kiêm nhiệm chức danh công chức cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của ngạch công chức hành chính đang xếp của cán bộ cấp xã được bổ trí kiêm nhiệm.

3. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định.

** Cụm số 04: Đối với chế độ tăng thêm cho đại biểu HĐND cấp xã: Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương cân đối trong dự toán tình giao đầu năm, tuy nhiên huyện không đủ kinh phí để cân đối. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện để đảm bảo chế độ cho đại biểu theo quy định.*

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An, theo đó tại điểm c, khoản 4, Điều 5, quy định tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính, trong đó phân bổ kinh phí hoạt động phí cho đại biểu HĐND các cấp như sau:

“- Hoạt động phí của Đại biểu HĐND các cấp: chiếm tỷ trọng 70% tổng chi cho Đại biểu HĐND các cấp;

- Chi hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của Đại biểu HĐND các cấp: chiếm tỷ trọng 30%”.

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ được quy định tại Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND, và Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, UBND cấp huyện xây dựng dự toán thu, chi ngân sách cấp mình (bao gồm kinh phí hoạt động phí cho đại biểu HĐND các cấp), để gửi Sở Tài chính, tổng hợp trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi ngân sách địa phương và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, như vậy kinh phí hoạt động phí cho đại biểu HĐND cấp xã, cấp huyện đã được tổng hợp vào dự toán chi của ngân sách cấp huyện.

i) Về quản lý đất đai:

** Cụm số 02:*

- Đề nghị UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chung về quỹ đất công để xây dựng nghĩa trang nhân dân; có văn bản hướng dẫn cụ thể về nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất để các huyện triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong thời gian tới (Tổ Cần Đức).

Nội dung này, UBND tỉnh giải trình như sau:

- Về quản lý quỹ đất công đối với các loại đất, trong đó có đất nghĩa trang nhân dân đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 về việc ban hành Quy chế phối hợp về quản lý, sử dụng đất do Nhà nước quản lý (đất công) trên địa bàn tỉnh Long An. Đề nghị UBND các huyện căn cứ vào nội dung quy định của Quy chế nêu trên để triển khai thực hiện.

- Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện. Về thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân đã được quy định tại Điều 9 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất

đai, trong đó đã hướng dẫn về thành phần hồ sơ, biểu mẫu, ... Đề nghị UBND cấp huyện căn cứ vào nội dung quy định trên triển khai thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành tỉnh tăng cường quản lý chặt chẽ tình trạng phân lô, bán đất nền trái pháp luật, đăng thông tin sai sự thật về đất đai, xây dựng, gây hoang mang trong dư luận, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng tại địa phương. Cụ thể: các Cty bất động sản tự vẽ quy hoạch chi tiết phân lô để rao bán trên mạng trái phép nhưng thực tế đây là các khu đất lẻ của hộ gia đình cá nhân, không có đầu tư hạ tầng (Tổ Cần Đước).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Ngày 28/6/2017, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND chỉ đạo các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý vi phạm về chuyên mục đích sử dụng đất và xây dựng trái phép trên địa bàn tỉnh. Việc tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh hiện nay thực hiện theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh.

Ngày 29/4/2022, UBND tỉnh ban hành Văn bản 3897/UBND-KTTC chỉ đạo các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai. Trong đó đã chỉ đạo, xử lý đối với các trường hợp chuyên mục đích sử dụng đất, tách thửa; chuyển quyền sử dụng đất đất trồng lúa; nhiều người đứng tên đồng sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tự ý san lấp mặt bằng và thay đổi mục đích sử dụng đất không đúng quy định, hiến đất làm đường phân lô, tách thửa,...

Thời gian tới, để tăng cường công tác quản lý nhà nước về thị trường bất động sản, hướng đến thị trường nhà ở và bất động sản trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, bền vững, minh bạch, UBND tỉnh sẽ tiếp tục ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung xử lý nghiêm các Công ty kinh doanh bất động sản không đúng quy định của pháp luật.

- Hiện nay, Giấy CNQSDĐ cấp cho người dân còn nhiều sai sót (tên, sai thửa, diện tích, ...). Đề nghị tỉnh chỉ đạo kiểm tra giải quyết kịp thời các yêu cầu của người dân liên quan đến sai sót do công tác nâng cấp bản đồ địa chính, cấp đổi Giấy CNQSDĐ (Tổ Cần Đước).

UBND tỉnh giải trình như sau: Thực tiễn cơ sở dữ liệu địa chính của tỉnh trong đó có các thông tin số thửa, số tờ bản đồ có sai sót, chưa được hoàn thiện. Để khắc phục tình trạng trên nhằm xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính của tỉnh theo hướng hiện đại, chính quy, Tỉnh đang triển khai dự án Tổng thể Đo đạc bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính trên toàn địa bàn tỉnh, dự kiến đến cuối năm 2023 dự án sẽ hoàn thành đưa vào vận hành phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

- Hiện nay, nhiều dự án ngoài ngân sách kéo dài do chưa được Thủ tướng Chính phủ duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất lúa, kéo dài nên rất khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng (giá đất liên tục tăng cao); nhiều dự án đất công nghiệp đã giải phóng mặt bằng xong nhưng sau thời gian dài vẫn chưa đưa vào sử dụng, gây lãng phí (Dự án khu Nam Tân Tập, dự án của Sacombank, ...). Đề nghị tỉnh có giải pháp trước thực trạng này (Tổ Cần Giuộc).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

1. Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây:

a) Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.”

Do đó, đối với dự án có sử dụng đất lúa trên 10 ha, phải lập thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích trên cơ sở kết quả thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ ngành Trung ương. UBND tỉnh đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành cũng như kiến nghị Thủ Tướng Chính phủ về việc thẩm định, chấp thuận chủ trương đối với các hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tích cực hơn nữa trong công tác phối hợp với các Bộ, ngành để rút ngắn thời gian đối với các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trình Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, UBND tỉnh đã có góp ý trong dự thảo sửa đổi Luật Đất đai theo hướng ủy quyền cho HĐND tỉnh đối với dự án có sử dụng đất lúa trên 10 ha.

Đối với các dự án đã giải phóng mặt bằng xong nhưng sau thời gian dài vẫn chưa đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí: UBND tỉnh ghi nhận sẽ giao các ngành chuyên môn thanh kiểm tra, xử lý theo quy định.

k) Về môi trường:

* *Cụm số 01*: Hiện nay, ngành tài nguyên chỉ đánh giá việc ô nhiễm môi trường tại khu, cụm công nghiệp. Trong khi thực tế, việc ô nhiễm môi trường đã ảnh hưởng khắp mọi nơi như rác thải, khói bụi, kênh rạch, nước,... nhất là nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản hiện nay bị ô nhiễm. Đề nghị UBND tỉnh đánh giá cụ thể việc ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư các doanh

nghiệp vào tỉnh và có các giải pháp cụ thể trong 6 tháng cuối năm 2022.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Hiện nay, nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nguồn nước cấp từ các nhà máy nước tập trung, nguồn nước lấy từ nước mặt hoặc nước ngầm xử lý đạt quy chuẩn trước khi cung cấp, số ít doanh nghiệp đường cấp nước tập trung chưa đến vẫn sử dụng nước ngầm trong quá trình sản xuất. Do đó, nguồn nước cấp cho doanh nghiệp hoạt động vẫn đảm bảo khi thu hút đầu tư. Đối với nguồn nước sử dụng cho nuôi trồng thủy sản, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thường xuyên quan trắc và khuyến cáo cho người dân để từ đó sử dụng nguồn nước để nuôi trồng thủy sản phù hợp.

Ngoài ra, hàng năm tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc nước mặt, không khí trên địa bàn tỉnh (với 60 điểm trên các tuyến sông Bảo Định, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và kênh rạch chính tần suất 6 lần/năm và 70 vị trí quan trắc môi trường không khí tại khu cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu vực khí bãi rác,..), để từ đó đánh giá nồng độ chất thải có vượt quy chuẩn trong nước hay không khí để khuyến cáo và đề xuất giải pháp phù hợp. Ngoài ra, tỉnh cũng lắp đặt 06 trạm quan trắc tự động (03 trạm nước và 03 trạm khí) để theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường. Kết quả quan trắc không khí ghi nhận tại 03 trạm quan trắc môi trường không khí (trạm Đức Lập Hạ, trạm thị trấn Cần Giuộc và trạm thị trấn Bến Lức) tương đối ổn định và nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT, ngoại trừ các thời điểm sáng sớm (4-6h sáng) và chiều tối (17h-19h) thì các thông số thường tăng cao do rơi vào thời điểm các xe lưu thông nhiều và độ ẩm trong không khí tăng dẫn đến kết quả đo cao hơn so với các thời điểm khác trong ngày. Đối với trạm quan trắc nước mặt tại xã Tuyên Thạnh (Kiến Tường), An Ninh Tây (Đức Hòa), Hựu Thạnh (Đức Hòa) ghi nhận các thông số quan trắc hầu hết đều đạt so với QCVN 08:2015-MT/BTNMT, cột A2 ngoại trừ nồng độ chất rắn lơ lửng (TSS) tại các trạm vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn so sánh cao nhất khoảng 06 lần, nguyên nhân là do thời điểm quan trắc là vào đầu mùa mưa lượng bùn cặn đổ về từ phía thượng nguồn khá nhiều.

Nhìn chung, kết quả quan trắc phản ánh đúng thực tế chất lượng môi trường nước mặt, không khí tại các điểm quan trắc từ đó giúp cho công tác theo dõi, giám sát và chủ động trong việc khắc phục các sự cố môi trường khi xảy ra để giảm thiểu mức tác động đến môi trường mức thấp nhất.

Để công tác kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh đạt kết quả, phòng ngừa và hạn chế mức thấp nhất các sự cố về môi trường, UBND tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, trong đó yêu cầu chất thải phải được phân loại tại nguồn để từ đó có thể tận dụng đối với chất thải có thể tái sử dụng, hạn chế tối đa chất thải cần phải xử lý.

- Tiếp tục theo dõi, thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt, không khí để kịp thời phát hiện và có giải pháp nhằm giảm thiểu mức tác động đến môi trường

mức thấp nhất.

- Theo dõi dữ liệu truyền về từ các doanh nghiệp có nguồn thải lớn (28 trạm quan trắc tự động nước thải và 09 trạm khí thải) nếu phát hiện vượt quy chuẩn cho phép yêu cầu doanh nghiệp khắc phục đồng thời xử lý theo quy định.

- Thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện kịp thời các hành vi cố tình xả chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn ra môi trường.

l) Về công nhận loại đô thị:

* *Cụm số 02: Đề nghị tỉnh xem xét đối với những địa phương tự nội lực phát triển, đảm bảo đủ điều kiện theo tiêu chí đạt đô thị loại 5 thì nên được công nhận để địa phương chủ động, tập trung thực hiện (hiện nay, muốn được công nhận đô thị loại 5, địa phương phải có đăng ký trước lộ trình mới được công nhận) (Tổ Cần Đước).*

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Long An đến năm 2030. Qua rà soát thì 3 đô thị Long Cang, Long Trạch, Long Hựu Đông thuộc huyện Cần Đước không có trong 02 Quyết định nêu trên.

- Theo đề xuất của UBND huyện Cần Đước tại Báo cáo số 1139/BC-KTHT ngày 08/7/2021 về kết quả đánh giá các tiêu chí đô thị loại V đối với các xã Long Cang, Long Trạch, Long Hựu Đông theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.

+ Hiện trạng xã Long Cang: đạt 66,65 điểm. Không đạt tiêu chí đô thị loại V.

+ Hiện trạng xã Long Trạch: 60,35 điểm. Không đạt tiêu chí đô thị loại V.

+ Hiện trạng xã Long Hựu Đông: 59,87 điểm. Không đạt tiêu chí đô thị loại V.

Trong thời gian tới, khi điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Long An đến năm 2030, UBND tỉnh sẽ báo cáo, đề xuất Bộ Xây dựng bổ sung 3 đô thị trên vào kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc gia. Cụ thể:

Giai đoạn 2022-2025: công nhận đô thị **Long Cang** đạt tiêu chí đô thị loại V.

Giai đoạn 2026-2030: công nhận đô thị **Long Trạch, Long Hựu Đông** đạt tiêu chí đô thị loại V.

m) Về cấp phép các cơ sở pha trộn phân bón:

* *Cụm số 02: Hiện nay, có tình trạng phân bón giả, kém chất lượng bị bắt, xử lý tại một số tỉnh miền Tây, nhất là tại An Giang, khi lực lượng chức năng đấu tranh, truy nguồn gốc thì các cơ sở sản xuất, pha trộn, đóng gói lại nằm trên địa bàn tỉnh Long An (phần lớn các cơ sở này hoạt động không ổn định, chỉ nhập*

nguyên liệu, pha trộn, đóng gói và phân phối). Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng không xem xét, cấp phép đối với loại hình này tại tỉnh; hoặc nếu cấp phép, phải rà soát, thẩm định kỹ, có điều kiện ràng buộc chặt chẽ (Tổ Cán Giuộc).

UBND tỉnh tiếp thu và sẽ chỉ đạo các ngành xử lý nghiêm đối với những trường hợp này.

n) Về y tế :

* *Cụm số 01: Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh đang xuất hiện nhiều ổ dịch sốt xuất huyết và có nguy cơ lan rộng ra các tỉnh lân cận. Do đó, đề nghị UBND tỉnh cần tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền địa phương tiếp tục tăng cường hơn nữa các biện pháp phòng, chống bệnh, tăng cường công tác tuyên truyền, chủ động phòng tránh bệnh sốt xuất huyết, không để phát sinh các ổ dịch trên địa bàn tỉnh.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về việc tăng cường phòng chống sốt xuất huyết như số 4056/UBND-VHXXH ngày 09/5/2022, văn bản số 5653/UBND-VHXXH ngày 23/6/2022 và tổ chức họp trực tuyến với các địa phương nhằm nắm bắt tình hình và chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết. Bên cạnh đó, tỉnh còn chỉ đạo Sở Y tế khẩn trương đề ra giải pháp thực hiện công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết, tổ chức giám sát trực tiếp việc xử lý ổ dịch và chủ động phun dập dịch diện rộng tại các điểm nguy cơ đảm bảo ổ dịch được xử lý kịp thời và không để ổ dịch kéo dài, lan rộng; đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, thuốc, trang thiết bị để sẵn sàng tiếp nhận điều trị bệnh nhân. Chỉ đạo các sở, ban ngành đoàn thể liên quan tăng cường công tác truyền thông về sốt xuất huyết, đồng thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo khẩn cấp cả hệ thống chính trị cùng tham gia phòng chống dịch sốt xuất huyết, kiên quyết dập dịch sốt xuất huyết trong thời gian sớm nhất.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Y tế cũng đã ban hành Kế hoạch số 3950/KH-SYT ngày 24/6/2022 về “*Kế hoạch phòng, chống sốt xuất huyết Dengue ngành y tế năm 2022*”, trong đó chỉ đạo các Trung tâm y tế cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, khẩn trương triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, lập kế hoạch phòng, chống sốt xuất huyết đạt hiệu quả nhất.

o) Về thuốc bảo hiểm y tế:

* *Cụm số 01:*

- *Công tác khám chữa bệnh cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân. Tuy nhiên, một số thuốc bảo hiểm y tế tại các trạm y tế huyện và Bệnh viện không đủ đáp ứng nhu cầu người bệnh, nhiều bệnh nhân có thể bảo hiểm y tế phải ra ngoài mua thuốc, gây bức xúc của người dân. Đề nghị UBND tỉnh sớm có giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc trên để đảm bảo quyền lợi cho người dân đến khám và chữa bệnh tại các cơ sở y tế.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

Trong thời gian qua, một số Bệnh viện và các Trung tâm Y tế huyện đã xảy ra tình trạng thiếu thuốc và một số vật tư y tế để điều trị cho người bệnh. Tỉnh đã yêu cầu Sở Y tế báo cáo nguyên nhân thiếu thuốc, vật tư y tế là do trong công tác đấu thầu gặp một số khó khăn như:

- Kết quả đấu tập trung cấp Quốc gia và Đàm phán giá hiện nay chưa có kết quả cho nên các đơn vị trong tỉnh chưa chủ động được số lượng và kế hoạch mua sắm cũng như cung ứng thuốc tại đơn vị.

- Một số mặt hàng thuốc hết hạn số đăng ký lưu hành nên không thể tiếp tục cung cấp cho các cơ sở y tế. Mặc khác trong đại dịch covid-19 năm 2021, hầu hết các nước trên thế giới, kể cả Việt Nam đã thực hiện nhiều đợt giãn cách xã hội, công nhân nghỉ việc, sản xuất bị đình trệ. Nhiều nước cũng thực hiện chính sách đóng cửa biên giới, hàng hóa khan hiếm trong đó có mặt hàng thuốc từ đó dẫn đến đứt gãy nguồn cung ứng (ngày 19/6/2022 Bộ Y tế vừa mới vừa ký phép gia hạn 6.251 mặt hàng thuốc).

- Năm 2020-2021, các đơn vị tập trung cho công tác phòng chống dịch Covid-19 nên rất ít đơn vị tổ chức đấu thầu nên khó khăn trong việc lấy giá kế hoạch. Khi lấy giá kế hoạch theo kết quả trúng thầu của năm 2020-2021 thì các nhà thầu không đồng ý bán hoặc không tham dự do giá nguyên liệu, vật tư tăng nên không mua được hàng hóa.

Thực hiện Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Các cơ sở y tế tự tổ chức đấu thầu nên gặp nhiều khó khăn trong công tác nhân sự, chưa có kinh nghiệm nên việc lập hồ sơ đấu thầu phải chỉnh sửa nhiều lần. Do đây là lần đầu tiên các cơ sở tự tổ chức đấu thầu nên còn lúng túng, nguồn nhân sự thực hiện công tác đấu thầu tại các cơ sở y tế cũng như Sở Y tế (Sở Y tế thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt) chủ yếu là kiêm nhiệm, vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa thực hiện công tác đấu thầu và chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu, chưa có kinh nghiệm trong công tác đấu thầu nên công tác đấu thầu không đảm bảo tiến độ, bị chậm trễ thời gian.

- Các giải pháp xử lý:

+ UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế, các sở ngành liên quan và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đẩy nhanh tiến độ đấu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế để đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh. Dự kiến Bệnh viện đa khoa Long An và TTYT huyện Cần Đước sẽ có kết quả lựa chọn nhà thầu thuốc trong tháng 8/2022, các đơn vị còn lại sẽ có kết quả trong tháng 9/2022.

+ Trong thời gian chờ kết quả lựa chọn nhà thầu trong đấu thầu rộng rãi, UBND tỉnh đã phê duyệt nhiều gói chỉ định thầu để đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc cấp bách cho người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh trong giai đoạn hiện nay.

Đến đầu tháng 7/2022 Bộ Y tế bắt đầu triển khai mua sắm đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng đăng ký

thuốc để làm cơ sở cho việc mua sắm đầu thầu của địa phương, đơn vị.

- Cơ chế phối hợp giữa Bệnh viện Đa khoa Long An và Bệnh viện sản Nhi trong việc khám chữa bệnh cho đối tượng là trẻ em dưới 6 tuổi có bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh tại 02 bệnh viện trên chưa có sự thống nhất, gây mất thời gian trong việc khám, chữa bệnh của người dân. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đảm bảo thống nhất trong việc khám chữa bệnh cho đối tượng là trẻ em dưới 6 tuổi có bảo hiểm y tế tại hai bệnh viện này.

Bệnh viện đa khoa Long An đang khẩn trương tiến hành thành lập khoa Nhi nội trú và khoa Phụ sản theo Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 “Về việc phê duyệt Đề án thành lập Khoa Phụ sản và Khoa Nhi thuộc Bệnh viện Đa khoa Long An”, trong thời gian chờ Khoa nhi chính thức nhận bệnh nội trú, hiện tại Bệnh viện nhận khám ngoại trú đối với bệnh nhi. Tại phòng khám nhi của bệnh viện thực hiện khám chữa bệnh cho bệnh nhi có BHYT, đối với những trường hợp có chỉ định nhập viện sẽ được hướng dẫn, chuyển BV Sản Nhi (hoặc tuyến trên) nhập viện đúng theo quy định.

* *Cụm số 02, 03, 04: Hiện nay các bệnh viện công lập thiếu thuốc trầm trọng, trong đó có Bệnh viện Đa khoa Long An, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, nhất là người già, bị các bệnh mãn tính như huyết áp, tiểu đường, ... (thuốc BHYT tại bệnh viện thì không có, nhưng ra ngoài các nhà thuốc tư nhân mua thì có đầy đủ). Đề nghị tỉnh khẩn trương chỉ đạo xử lý vấn đề này, trong đó có việc sớm phê duyệt danh mục đầu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế đảm bảo cung cấp thuốc, vật tư y tế kịp thời, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân; đồng thời, tỉnh nên nghiên cứu, thành lập Trung tâm mua sắm tập trung thuốc và thiết bị y tế về một đầu mối cấp tỉnh, để việc mua sắm được thực hiện đồng bộ, tập trung, kịp thời.*

Năm 2020-2021, ngành y tế tập trung cho công tác phòng chống dịch Covid-19 nên việc triển khai công tác đầu thầu 2022 chậm. Hiện nay, các cơ sở y tế đang tiến hành công tác đầu thầu và có một số cơ sở đang đánh giá hồ sơ dự thầu. Dự kiến sẽ có kết quả lựa chọn nhà thầu trong tháng 8/2022. UBND tỉnh cũng đã phê duyệt chỉ định thầu nhiều gói thầu cho các cơ sở để đáp ứng nhu cầu cấp bách của các đơn vị để cung cấp thuốc kịp thời cho người dân.

Giải pháp xử lý:

- UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục đầu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế cho các cơ sở và đề nghị Sở Y tế, các cơ sở đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo cung cấp thuốc, vật tư y tế kịp thời, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân;

- Ngày 08/7/2022, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Y tế khẩn trương chuyển nguồn thuốc khám chữa bệnh trước đây cấp cho các cơ sở y tế thu dung điều trị trong đợt phòng, chống Covid-19 để kịp thời phân bổ nguồn thuốc này cho các đơn vị để đáp ứng kịp thời cho nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

- Việc thành lập Trung tâm mua sắm tập trung thuốc, vật tư và thiết bị y tế trực thuộc UBND tỉnh đang chờ ý kiến chỉ đạo thống nhất của Chính phủ và các Bộ ngành trung ương.

p) Về cách tính tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân:

** Cụm số 02: Đề nghị xem xét lại cách tính tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế để đảm bảo phù hợp, thống nhất số liệu giữa ngành Thống kê và Bảo hiểm xã hội (hiện nay, có bất cập khi tính tỷ lệ BHYT toàn dân, đó là lấy theo số liệu dân cư của ngành Thống kê, trong đó tính luôn cả dân tạm trú, nên đối với địa bàn phát triển công nghiệp, dân tạm trú nhiều, thì tỷ lệ BHYT toàn dân sẽ thấp hơn thực tế rất nhiều, không thể đạt chỉ tiêu) (Tổ Cần Đức).*

UBND tỉnh tiếp thu, sẽ chỉ đạo Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thống nhất cách tính tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân trên địa bàn trong thời gian tới.

q) Về giáo dục:

** Cụm số 01:*

- Mức thu học phí năm 2022-2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ tăng cao hơn so với Nghị định trước đây; giá sách giáo khoa hiện nay cũng tăng cao hơn so với giá bán ngoài các Trung tâm, Nhà sách, gây khó khăn cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có con em đến trường. Do đó, đề nghị các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, điều chỉnh giá cho phù hợp.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Do mức thu học phí năm 2022-2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ tăng cao hơn so với các quy định trước nên vừa qua khi chuẩn bị trình HĐND tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 6, UBND tỉnh đề xuất chọn mức sàn (mức thấp nhất) theo ND 81, mặc chọn mức thấp nhất song vẫn cao so với trước đây. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2903/BGDĐT-KHTC ngày 07/7/2022 về việc lấy ý kiến về đề xuất lộ trình học phí và chính sách miễn học phí đối với học sinh THCS, UBND tỉnh sẽ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu Chính phủ để giảm mức học phí cho học sinh mầm non, phổ thông và miễn học phí cấp THCS (cấp phổ cập giáo dục) trên cơ sở có ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, sẽ trình HĐND tỉnh về mức thu học phí năm học 2022-2023 phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội và đời sống nhân dân.

Hiện nay, chúng ta đang thực hiện Chương trình giáo dục 2018 theo lộ trình: năm học 2020-2021 triển khai đối với lớp 1, năm học 2021-2022 triển khai đối với lớp 2, lớp 6 và năm học 2022-2023 triển khai đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10. Về giá sách giáo khoa tăng cao so với sách giáo khoa của chương trình trước đây. Hiện tại, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang đề nghị các giải pháp để giảm giá sách giáo khoa nhằm tạo điều kiện cho phụ huynh học sinh. Trước mắt, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, thực hiện các biện pháp:

- Quán triệt, tuyên truyền đến từng cán bộ quản lý giáo viên và học sinh về việc giữ gìn, bảo quản sách giáo khoa; không viết, vẽ vào sách giáo khoa để sách giáo khoa được sử dụng lại lâu bền.

- Bố trí nguồn kinh phí hợp lý để mua sách giáo khoa cho các thư viện trường học, tổ chức cho học sinh mượn sách giáo khoa để học tập; vận động học sinh quyên góp, ủng hộ sách giáo khoa cũ vào thư viện để học sinh các lớp sau

tiếp tục được mượn và sử dụng.

- Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức việc thanh tra, kiểm tra việc phát hành và sử dụng sách giáo khoa, sách bài tập, xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đề nghị ngành giáo dục quan tâm kiểm tra việc hiện nay các trường đề nghị phụ huynh mua sách giáo khoa tham khảo cho các em học sinh nhưng không sử dụng đến trong suốt quá trình học tập, gây lãng phí lớn.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Việc mua sách tham khảo của học sinh trong thời gian qua ở một số nơi gây phiền hà, tốn kém cho phụ huynh học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chỉ thị 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 về việc sử dụng sách giáo khoa, sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng sách giáo khoa, tăng tỷ lệ sách giáo khoa được sử dụng lại nhiều lần; không ép buộc học sinh, gia đình học sinh mua sách tham khảo, sách bài tập.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai, quán triệt nội dung văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học đồng thời tuyên truyền để phụ huynh học sinh nắm bắt và thực hiện tránh sự tiêu cực và lãng phí.

r) Về nhân lực ngành giáo dục :

** Cụm số 02:*

- Đề nghị tỉnh có chế độ, chính sách đủ mạnh, hấp dẫn để thu hút và giữ chân đội ngũ giáo viên, nhân viên học đường; rà soát thực trạng giáo viên các trường mầm non và phổ thông trên toàn địa bàn tỉnh, nắm chính xác biên chế giáo viên thừa, thiếu về số lượng và cơ cấu trong các môn học theo chỉ tiêu phân bổ của tỉnh và theo định mức đứng lớp. Từ đó có giải pháp xử lý, khắc phục mang tính trước mắt, cũng như tổng thể, toàn diện, lâu dài (Tổ Cần Giuộc).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Để có giải pháp khắc phục về tình trạng thiếu giáo viên, nhân viên các trường thuộc các cấp học, vừa qua thực hiện theo Thông báo số 239/TB-HĐND ngày 01/4/2022 về Kết luận tại Chương trình Đối thoại lần thứ 3 về “Giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên tại các trường mầm non và phổ thông”, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo về các chính sách nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ viên chức của ngành Giáo dục và Đào tạo gồm giáo viên và nhân viên các nhà trường, Sở Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến các sở ngành chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện, sau đó UBND tỉnh sẽ đề xuất HĐND tỉnh có nghị quyết về nội dung này.

Về công tác đội ngũ luôn được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát thường xuyên để nắm chắc số lượng giáo viên các cấp học. Từ đó, có giải pháp trong việc khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trước mắt và lâu dài. Hàng năm, Sở

Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện lập kế hoạch tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo để bổ sung đội ngũ biến động do nghỉ hưu, nghỉ việc... Về giải pháp căn bản, tổ chức đào tạo giáo viên theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Hiện tại sau khi kết thúc đợt tuyển sinh năm 2021 có 08 cơ sở đào tạo phản hồi về số lượng sinh viên (có hộ khẩu Long An) có đơn đăng ký hưởng chế độ hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt theo Nghị định 116 là 264 sinh viên. Trong những năm tiếp theo, UBND tỉnh tiếp tục thực hiện đào tạo giáo viên theo Nghị định 116 của Chính phủ.

- Đề nghị tỉnh quan tâm tổ chức thi tuyển giáo viên đối với trường THCS và THPT Long Cang vì hiện nay thiếu gần 30 giáo viên cấp THCS (Tổ Cần Đước).

UBND tỉnh giải trình như sau: Năm học 2022-2023, Trường THCS&THPT có 20 lớp THPT và 30 lớp THCS; số giáo viên THPT: 42 người, giáo viên THCS: 27 người, cần bổ sung 22 giáo viên THCS. Trong lúc chưa bổ sung được, nhà trường bố trí giáo viên THPT dạy cấp THCS là đúng quy định và đảm bảo hoạt động nhà trường không gặp quá khó khăn (do là trường có 2 cấp học). Trong năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tuyển dụng giáo viên và chỉ bố trí cho trường được 02 giáo viên (01 giáo viên bộ môn Tin học và 01 giáo viên môn Giáo dục công dân). Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang tiếp nhận các giáo viên THCS từ các huyện xin chuyển để bố trí cho các trường THCS&THPT trực thuộc đồng thời cũng đang xây dựng kế hoạch tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 cho các trường trực thuộc. UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo để có biện pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên đối với một số đơn vị trong đó có trường THCS&THPT Long Cang huyện Cần Đước.

s) Về tuyển sinh lớp 10 :

** Cụm số 02: Đề nghị tỉnh xem xét việc phân bổ chỉ tiêu, tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 phải đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đảm bảo cơ sở vật chất mạng lưới trường, lớp, vì chỉ tiêu chung mà Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cho các huyện, thị xã, thành phố là chưa phù hợp (nên cho chủ trương tăng cường mở các lớp hệ giáo dục thường xuyên tại các Trường THPT sau phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS đối với các trường THPT có đủ điều kiện theo đề xuất của địa phương, gắn các lớp hệ giáo dục thường xuyên với đào tạo nghề cho các em học sinh học hệ giáo dục thường xuyên) (Tổ Cần Đước).*

UBND tỉnh giải trình như sau:

Hiện nay về cơ bản điều kiện cơ sở vật chất các trường để tiếp nhận học sinh đầu cấp là như sau, riêng về đội ngũ giáo viên THPT có sự điều động giữa các trường để đảm bảo cân đối trên phạm vi toàn tỉnh. Do vậy cơ sở chủ yếu để thực hiện giao chỉ tiêu tuyển sinh là căn cứ vào chỉ tiêu phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS (Kế hoạch 134/KH-UBND). Cụ thể trong năm học 2022-2023, chỉ tiêu phân luồng sau tốt nghiệp THCS toàn tỉnh là 31,86% từ đó phân chỉ tiêu

tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập là 72,10% (GDPT: 66,23%, GDTX: 5,87%); trong đó huyện Đức Hòa có tỉ lệ tuyển sinh lớp 10 thấp nhất (65,90%) do là huyện có điều kiện tổ chức dạy nghề cho học sinh, các địa phương còn lại dao động trong khoảng từ 70-72% (Tân Trụ: 71,3%, Thủ Thừa; 72,02%, Cần Đước 72,50%, Cần Giuộc: 72,13%, Thạnh Hóa: 73,19%, Vĩnh Hưng: 75,67% ...). Như vậy, việc giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT hàng năm trên địa bàn tỉnh và phân bổ chỉ tiêu cho các trường là phù hợp và có cơ sở, vừa đảm bảo phát triển cấp học THPT vừa thực hiện chỉ tiêu phân luồng sau tốt nghiệp THCS theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

t) Về công tác đào tạo nghề :

Cụm số 02: Đề nghị tỉnh tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề phục vụ yêu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; khẩn trương triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững năm 2022; tăng cường và nâng cao hiệu quả Đề án về đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng (thời gian qua do dịch bệnh Covid-19 nên số lượng người đi lao động nước ngoài rất ít) (Tổ Cần Giuộc).

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Về công tác giáo dục nghề nghiệp:

Hiện nay, số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm có 25 (10 công lập, chiếm tỷ lệ 40%; 15 ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 60%), trong đó: 3 Trường cao đẳng, 07 Trường trung cấp, 07 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và 08 cơ sở khác tham gia giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, qua rà soát, hiện nay chỉ có 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang tham gia hoạt động đào tạo, cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động. Trong mạng lưới có 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư 07 nghề trọng điểm (Trường Cao đẳng Long An 05 nghề: 2 nghề cấp độ quốc tế, 2 nghề cấp độ ASEAN, 01 nghề cấp độ quốc gia; Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam 02 nghề cấp độ quốc gia.

Từ năm 2016 đến 6 tháng năm 2022, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đào tạo nghề cho 145.661 lao động. Trong đó: cao đẳng 3.395 người, tỷ lệ 2,33%; trung cấp 13.671 người, tỷ lệ 9,39%; sơ cấp 39.206 người, tỷ lệ 26,92%; đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng cho 63.593 người, tỷ lệ 43,66%; đào tạo nghề cho lao động nông thôn 25.796 người, tỷ lệ 17,70%.

Cơ cấu ngành nghề đào tạo đã từng bước được điều chỉnh gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Hiện nay, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã triển khai trên 100 nghề đào tạo cho các đối tượng có nhu cầu. Ngoài những nghề đào tạo truyền thống, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn tập trung đầu tư để mở thêm những nghề mới mà doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và thị trường lao động có nhu cầu, thông qua đó giúp người lao động có điều kiện tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau đào tạo. Hình thức đào tạo ngày càng đa dạng, ngoài việc đào tạo chính quy tại cơ sở đào tạo, việc đào tạo theo yêu cầu doanh nghiệp, chuyên giao công nghệ, mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, đào tạo

lưu động tại doanh nghiệp, ... được các cơ sở đào tạo tổ chức rộng rãi đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, thị trường lao động; có trên 90% lao động sau học nghề có việc làm, tự tạo việc làm đặc biệt các nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật như: Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Hàn, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí... học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng không đủ đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Kết quả trên đã nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 72,49%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,41%.

Tuy nhiên, cơ cấu trình độ đào tạo chưa hợp lý, chủ yếu đào tạo trình độ sơ cấp và thường xuyên dưới 3 tháng, đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số tuyển sinh đào tạo nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu tuyển dụng lao động có tay nghề cao của doanh nghiệp và thị trường lao động của tỉnh, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực đòi hỏi công nghệ, kỹ thuật cao.

Để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 14/02/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh, với 03 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, trong đó có nhóm nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện 03 nhóm giải pháp chính sau:

+ Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Long An, Đài Phát thanh và Truyền hình Long An tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, những điển hình học nghề, có việc làm, giảm nghèo hiệu quả đến học sinh và phụ huynh thông qua các hình thức như: bài viết, phóng sự, chuyên trang, chuyên đề tuyên truyền định kỳ hàng tháng; internet, Facebook, video clip, Panô.... tuyên truyền.

+ Nâng cao năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

. Tiếp tục đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó tập trung đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Long An thành Trường Cao đẳng chất lượng cao để mở rộng ngành nghề, tăng quy mô tuyển sinh, nâng cao năng lực tiếp nhận học sinh sau phân luồng vào học nghề.

. Tham mưu UBND tỉnh có chính sách thu hút để tuyển dụng giáo viên, nhất là giáo viên giảng dạy những nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực Asean, quốc tế và những nghề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo đạt chuẩn theo quy định để giảng dạy; có kế hoạch chọn cử giáo viên định kỳ đi thực tập ở doanh nghiệp để tiếp cận công nghệ mới, nâng cao kỹ năng giảng dạy.

. Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thương hiệu, doanh

nghiệp để tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với tiến bộ của khoa học công nghệ và nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động.

+ Đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác phân luồng học sinh: Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách thu hút học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động. Phối hợp với các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở mời các chuyên gia của các Trường Đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thương hiệu, Hiệp hội doanh nghiệp đến nói chuyên chuyên đề, tư vấn nghề nghiệp, việc làm cho học sinh các lớp cuối cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông để giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có thể lựa chọn hình thức học tập phù hợp với năng lực bản thân và điều kiện gia đình.

- Đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Từ năm 2016 đến 6 tháng năm 2022, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức đào tạo nghề cho 25.796 lao động nông thôn (11.102 nữ). Trong đó: 7.404 người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 28,71%; 18.392 người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 71,29%. Có việc làm sau học nghề 23.176 người, chiếm tỷ lệ 89,84%. Trong đó: 1.583 người được doanh nghiệp nhận vào làm việc, 1.243 người được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, 19.768 người tự tạo việc làm, 582 người tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động, gắn với thế mạnh địa phương, với quy hoạch sản xuất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Đa số học viên sau học nghề đã tự tạo việc làm, áp dụng kiến thức đã học vào sản xuất, nuôi trồng đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn, được doanh nghiệp, hợp tác xã giao hàng gia công tại hộ gia đình hoặc tuyển dụng vào làm việc, tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác.... có thu nhập ổn định cuộc sống, góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn.

Tuy nhiên, việc triển khai đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn ở các huyện chủ yếu sản xuất nông nghiệp của tỉnh khó khăn do thị trường tại chỗ ít có nhu cầu tuyển dụng; chất lượng một số lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa cao. Một số nghề đào tạo ở một vài địa phương chưa sát với nhu cầu và điều kiện của người học, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên giải quyết việc làm sau học nghề chưa bền vững.

Nguyên nhân là do:

+ Các huyện chủ yếu phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, số lượng doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, dịch vụ ít nên nhu cầu sử dụng lao động các nghề phi nông nghiệp không nhiều. Vì vậy, địa phương khó triển khai đào tạo các nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn để chuyển đổi cơ cấu lao động sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Cụ thể: vùng Đồng Tháp Mười của tỉnh (gồm thị xã Kiến Tường và 5 huyện) chỉ có 01 Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Bình

Hiệp, hiện nay số doanh nghiệp còn rất hạn chế.

+ Mỗi quan hệ phối hợp giữa một số cơ sở đào tạo nghề với địa phương chưa chặt chẽ; chương trình đào tạo chậm được cập nhật, bổ sung, đổi mới nên chất lượng đào tạo một số lớp đào tạo nghề cho lao động chưa cao.

+ Việc tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp ở một số địa phương chưa chính xác, triển khai đào tạo một số nghề chưa phù hợp với nhu cầu của người học và nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động nên giải quyết việc làm sau đào tạo chưa bền vững.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức rà soát danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho lao động nông thôn để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương trên cơ sở điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội, yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu lao động, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới để đảm bảo chất lượng và hiệu quả, không chạy theo số lượng.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, rà soát điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo sát thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Tổ chức đào tạo nghề dưới nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp; bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hành nghề cần chú trọng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng mềm về an toàn lao động, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn để đảm bảo hiệu quả của việc dạy và học nghề.

+ Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức đoàn thể các cấp tiếp tục phối hợp thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động hội viên, đoàn viên tham gia công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn với hình thức phù hợp. Phối hợp tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả Đề án đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng:

Từ năm 2020 đến nay, toàn tỉnh đã đưa được 659 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (năm 2020: 327 người, đạt 65% kế hoạch; năm 2021: 84 người (đạt 8,4% kế hoạch; 06 tháng năm 2022: 238 người (đạt 23,8% kế hoạch). Nguyên nhân là do năm 2020 và năm 2021 tình hình dịch bệnh CoViD-

19 ở Việt nam và trên thế giới diễn biến phức tạp, các nước hạn chế tiếp nhận lao động.

Hiện nay tình hình dịch bệnh tạm thời ổn định, các nước đã mở lại thị trường tuyển dụng lao động. Để tăng cường và nâng cao hiệu quả Đề án đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, đoàn thể các cấp và các địa phương, các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nhất là đối tượng lao động về nội dung, chính sách của Đề án Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát nhu cầu học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông để tạo nguồn tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; phối hợp với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tổ chức các buổi hội thảo, tư vấn hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Long An triển khai kịp thời các nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ vay vốn; hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người có nhu cầu được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài.

+ Trường Cao đẳng Long An phối hợp với các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có kế hoạch đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài; phối hợp tổ chức các buổi hội thảo, tư vấn hướng nghiệp cho người lao động, học sinh, sinh viên.

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm Long An đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông về chính sách, chế độ hỗ trợ việc làm trong và ngoài nước, cung cấp thông tin các doanh nghiệp tuyển dụng lao động có uy tín cho người lao động nắm bắt để đăng ký tham gia; phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp, tuyển chọn lao động; tổ chức các buổi hội thảo, tư vấn ở địa phương.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn. Quan tâm đến công tác đào tạo nghề và tạo nguồn lao động để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tích cực phối hợp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi được giới thiệu về địa phương để tuyển chọn lao động; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ vay vốn.

u) Về chế độ hỗ trợ viên chức:

Cụm số 02: Đề nghị tỉnh quan tâm, xem xét có quy định chế độ hỗ trợ chung đội ngũ viên chức đang làm việc tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện để động viên đội ngũ này an tâm công tác (Tô Cần Đức).

Hiện nay, Trung tâm Hành chính công cấp huyện là đơn vị sự nghiệp do tỉnh thành lập (trên cơ sở được Bộ Nội vụ đồng ý), Chính phủ chưa có quy định chung cũng như chưa có quy định tính đặc thù của viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp này. Do đó, không đủ cơ sở để đề xuất chế độ hỗ trợ đặc thù theo kiến nghị nêu trên.

v) Về triển khai thực hiện các quy định của UBND tỉnh tại cấp cơ sở:

Cụm số 02: Hiện nay một số quy định của UBND tỉnh đã cụ thể, tuy nhiên khi triển khai tại cơ sở, có trường hợp mỗi nơi thực hiện mỗi khác, không đồng bộ, thống nhất. Cụ thể:

- HĐND tỉnh có Nghị quyết và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có quy định cụ thể chức danh, số lượng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố cho từng loại xã. Tuy nhiên thực tế, mỗi nơi bố trí khác nhau và chế độ khác nhau.

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, theo đó tại khoản 2, Điều 1 quy định mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã¹².

Trên cơ sở mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội

¹² - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Riêng Hội Nông dân cấp xã loại 3 tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Quyết định này được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) như sau:

* Đối với cấp xã loại 3 thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị

* Đối với cấp xã loại 3 còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

+ Trường hợp cấp xã không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí kinh phí hoạt động.

- Hội Cựu chiến binh cấp xã được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh), như sau:

+ Đối với cấp xã thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị.

+ Đối với cấp xã còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

Riêng Hội Cựu chiến binh phường loại 1, loại 2 được bố trí theo điểm b, khoản 1 Điều 3 Quyết định này được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh), như sau:

* Đối với phường loại 1, loại 2 thuộc vùng sâu: 40.000.000 đồng/năm/đơn vị.

* Đối với phường loại 1, loại 2 còn lại: 34.000.000 đồng/năm/đơn vị.

ở xã, phường, thị trấn được quy định tại Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND, và Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, UBND cấp huyện xây dựng dự toán thu, chi ngân sách cấp mình (bao gồm kinh phí thực hiện mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường), để gửi Sở Tài chính, tổng hợp trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi ngân sách địa phương và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, qua ý kiến của Tổ đại biểu, UBND tỉnh ghi nhận, trong quá trình điều hành có kiểm tra đối với nội dung trên.

- HĐND tỉnh có Nghị quyết và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, quy định hỗ trợ hoạt động Ban Thanh tra nhân dân của xã, phường, thị trấn là 5.000.000 đồng/năm. Tuy nhiên, thực tế có nơi cấp đủ 5 triệu, có nơi chỉ cấp 2 triệu.

Căn cứ Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về việc Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, theo đó, quy định “mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn là 5.000.000 đồng/Ban/năm”.

Trên cơ sở mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn được quy định tại Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND, và Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hàng năm, UBND cấp huyện xây dựng dự toán thu, chi ngân sách cấp mình (bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn), để gửi Sở Tài chính, tổng hợp trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi ngân sách địa phương và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, qua ý kiến của Tổ đại biểu, UBND tỉnh ghi nhận, trong quá trình điều hành có kiểm tra đối với nội dung trên.

- HĐND tỉnh có Nghị quyết và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 về Quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 71/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có một số nội dung chi và mức chi chưa được bố trí kinh phí thực hiện, hoặc thực hiện không thống nhất giữa các địa phương.

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các quy định trên tại cơ sở. Đồng thời, đề nghị HĐND tỉnh thực hiện giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết trên (Tổ Cần Giuộc).

UBND tỉnh ghi nhận, trong quá trình điều hành có kiểm tra đối với nội dung trên.

3. Báo cáo tiến độ, kết quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công

dân 6 tháng đầu năm 2022

Cụm số 01: Trên lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân hiện nay tổng số đơn tăng 44,2% so với cùng kỳ (1554 đơn/1078 đơn). Đề nghị UBND tỉnh phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng để có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Tổng số đơn: 3.384 đơn (kỳ trước chuyển sang 291 đơn, tiếp nhận trong kỳ 3.093 đơn). So với cùng kỳ, tổng số **đơn tăng 24%** (6 tháng đầu năm 2021: 2.729 đơn).

- Tổng đơn trong kỳ tăng so với cùng kỳ chủ yếu là đơn kiến nghị, phản ánh (2.379/1.650 đơn), tăng 44,2%. Các đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đều giảm so với cùng kỳ (222/480 đơn).

- Nguyên nhân đơn kiến nghị, phản ánh (2.379/1.650 đơn), tăng 44,2%: chủ yếu là kiến nghị phản ánh các nội dung sau:

+ Yêu cầu lãnh đạo giải quyết các vấn đề liên quan các dự án Hưng Thịnh Cát Tường, Đất Xanh, An Nhựt Tân, ...

+ Giải quyết tình trạng lấn chiếm đất công, xem xét vấn đề nước sạch, việc cấp giấy CNQSDĐ sai chủ, sai diện tích, yêu cầu giải quyết tình trạng đất đai bị người khác lấn chiếm...

+ Chính quyền địa phương không giải quyết kịp thời đơn thư, những kiến nghị phản ánh của dân địa phương.

+ Doanh nghiệp xin giải trình về các biên bản xử phạt vi phạm hành vi hành chính của cơ quan chức năng ,...

+ Kiến nghị xem xét lại việc thu hồi và bồi thường đất của các dự án thực hiện thu hồi đất.

Giải pháp chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian tới: Chính quyền địa phương cần thực hiện tố công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư, những kiến nghị phản ánh của dân địa phương; đối với các dự án thu hồi đất cần tiếp xúc đối thoại thông tin rõ cho người dân hiểu; thực hiện giải quyết theo hết chức năng và thẩm quyền đối với vụ việc thuộc thẩm quyền địa phương, không để dân bức xúc gửi đơn vượt cấp...

4. Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

Cụm số 01: Việc thực hiện Đề án đưa công an chính quy về xã, phường, thị trấn trong thời gian qua mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, qua tiếp xúc cử tri phản ánh thì tình trạng an ninh trật tự tại các địa phương không giảm mà có nguy cơ ngày càng tăng. Đề nghị công an tỉnh có đánh giá lại trách nhiệm của cán bộ được đưa tăng cường về cơ sở, cần có sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa công an tỉnh với chính quyền địa phương thời gian qua gặp nhiều khó khăn, nhất là việc điều chuyển cán bộ thực hiện nhiệm vụ thuộc lực lượng công an từ địa bàn này đến địa bàn khác.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy Công an Trung ương, Lãnh đạo Bộ Công an về việc đẩy mạnh xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy trên phạm vi toàn quốc. Công an tỉnh đã tổ chức triển khai đảm bảo đúng tiến độ theo chỉ đạo của Bộ Công an, đến nay đã bố trí Công an xã tại 161/161 Công an xã chính quy.

Sau khi triển khai lực lượng Công an chính quy về các xã, lực lượng Công an xã đã phát huy năng lực, sở trường; chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của xã tham mưu cấp ủy, chính quyền thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT tại địa bàn cơ sở; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ANTT được nâng cao; đã chủ động làm tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt địa bàn, mục tiêu, đối tượng, đấu tranh, triệt xóa tội phạm và tệ nạn xã hội, tập trung giải quyết có hiệu quả tình hình ANTT nổi lên, không để phát sinh điểm nóng; hoàn thành đảm bảo tiến độ 02 Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia và dân cư và Dự án Sản xuất, quản lý căn cước công dân và Đề án 06 của Chính phủ; duy trì phát huy hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; phối hợp kiểm soát có hiệu quả tình hình dịch bệnh Covid-19; theo đánh giá của Bộ Công an tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Long An trong các năm gần đây đều giảm. Riêng trong 06 tháng đầu năm 2022, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Long An xảy ra 304/317 vụ (giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2021). Các đồng chí được điều động giữ chức vụ Trưởng Công an cấp xã đều có tham gia cấp ủy địa phương. Thời gian qua, Cấp ủy, địa phương cũng chưa có vấn đề phản ánh về lực lượng Công an xã và tình hình an ninh trật tự.

Công tác điều động cán bộ là một trong các chủ trương của Bộ Công an để tạo điều kiện cho cán bộ có kinh nghiệm công tác thực tế công tác tại cơ sở. Thực hiện chủ trương của Bộ Công an, thời gian qua việc điều động cán bộ Công an chính quy về xã, Công an tỉnh đều có trao đổi thống nhất với Cấp ủy, chính quyền địa phương trước khi triển khai thực hiện. Đồng thời, thường xuyên nắm tình hình có liên quan đến cán bộ được điều động về Công an xã để kịp thời thay đổi những trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

Công tác phòng, chống tội phạm là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và có sự đóng góp không nhỏ của nhân dân, trong đó lực lượng Công an là nòng cốt. Để tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian tới, Công an tỉnh rất mong được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, giúp lực lượng Công an tham mưu thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Đồng thời, kiến nghị cử tri chủ động cung cấp thông tin có liên quan đến tình hình tội phạm để chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự. Công an tỉnh sẽ đề ra nhiều giải pháp để tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian tới, như tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác quản lý cán bộ; mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; sử dụng đồng bộ các biện pháp phòng chống tội phạm; chủ động trong phòng ngừa, tích cực trong phát hiện xử

lý tội phạm; rà soát, lên danh sách các ổ, nhóm tội phạm hình sự, ma túy và tệ nạn xã hội có biểu hiện hoạt động để có kế hoạch tập trung lực lượng triệt xoá; tăng cường kiểm tra, xử lý hành chính đối tượng vi phạm pháp luật trên lĩnh vực an ninh trật tự... góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên toàn tỉnh.

5. Báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri phản ánh trước và sau kỳ họp thứ 4 (kỳ họp lệ cuối năm 2021), HĐND tỉnh khóa X

** Cụm số 02:*

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nghị quyết về chất vấn của HĐND tỉnh (kể cả các nội dung trả lời chất vấn bằng văn bản). Khi trả lời, báo cáo kết quả thực hiện, cần đưa ra giải pháp, lộ trình, thời hạn hoàn thành cụ thể đối với những vấn đề đang giải quyết, hạn chế việc ghi nhận, tiếp thu, trả lời chung chung hoặc chỉ viện dẫn các văn bản quy định của trung ương, địa phương (Tổ Cần Giuộc).

- Tại kỳ họp thứ 4, đại biểu HĐND tỉnh có chất vấn UBND tỉnh các vấn đề có liên quan đến giá nước và khó khăn trong việc cung cấp nước sinh hoạt tại vùng hạ của huyện Cần Đước. UBND tỉnh đã hứa sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện, tuy nhiên đến nay hơn 6 tháng, vướng mắc về giá nước và việc cung cấp nước sinh hoạt tại vùng hạ của huyện Cần Đước chưa có chuyển biến, chưa được giải quyết dứt điểm. Đề nghị UBND tỉnh xác định trách nhiệm và đưa ra giải pháp thực hiện dứt điểm vấn đề này (Tổ Cần Đước).

- Việc giải quyết ý kiến của cử tri, có một số vấn đề vẫn chưa chuyển biến, cử tri tiếp tục bức xúc và kiến nghị như: (1) Cử tri đã nhiều lần đề nghị báo cáo kết quả thanh tra toàn diện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Gò Đen do Công ty Cổ phần Địa Ốc 6 làm chủ đầu tư tại xã Phước Lợi, huyện Bến Lức (UBND tỉnh có quyết định thanh tra từ cuối năm 2019), nhưng đến nay cơ quan chức năng vẫn chưa có báo cáo kết quả thanh tra và chưa có biện pháp kiên quyết xử lý, thu hồi dự án; (2) Chưa giải quyết dứt điểm các vấn đề liên quan bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân tại Dự án khu dân cư AEDC; (3) Chưa di dời Lò giết mổ Dương Văn Nghĩa gây ô nhiễm môi trường xã Long Hiệp, huyện Bến Lức (Tổ Bến Lức).

- Một số ý kiến của cử tri chưa được sở ngành tham mưu trả lời phù hợp với tình trạng thực tế và khác với quan điểm của chính quyền địa phương, như: về kiến nghị sớm bố trí tái định cư cho người dân liên quan Dự án mở rộng nhà máy Thép Long An, xã Long Hiệp, Bến Lức, đã kéo dài từ năm 2010 nhưng vẫn chưa giải quyết¹³ (Tổ Bến Lức).

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và sẽ chỉ đạo các ngành, địa phương khẩn trương thực hiện; đồng thời, sẽ thường xuyên kiểm

¹³ Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các hộ dân liên hệ với Công ty TNHH Thép Long An để đăng ký tái định cư theo hình thức nhận tiền như thỏa thuận trước đây. Trong khi UBND huyện Bến Lức cho biết hiện tại vị trí dự án mở rộng Nhà máy luyện phôi, cán thép được quy hoạch là đất ở nên không còn phù hợp quy hoạch; dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra vào năm 2019, đến nay, Công ty không đưa đất vào sử dụng đã quá 24 tháng. Do đó, theo quy định thì không được gia hạn tiền độ thực hiện dự án. Huyện đề nghị Công ty chấm dứt hoạt động dự án. Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ hướng dẫn thủ tục đất đai theo quy định.

tra việc thực hiện của các ngành, địa phương.

II. Về các Tờ trình

1. Tờ trình về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

a) Tổ đại biểu Cần Đước có ý kiến: (1) Đề nghị tỉnh xem xét, bổ sung danh mục đầu tư xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện Cần Đước (đầu tư mới trụ sở Huyện ủy, UBND huyện), vì thực trạng hiện nay trụ sở Huyện ủy đã xuống cấp, xây dựng đã 25 năm; các cơ quan hành chính cấp huyện nằm rải rác, cơ sở vật chất xuống cấp, định mức bố trí không đảm bảo cho hoạt động, chưa đáp ứng nhu cầu làm việc và chưa phù hợp với quá trình đô thị hóa, nông thôn mới của huyện. Huyện đã giải phóng mặt bằng, kiến nghị tỉnh xem xét, hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng theo lộ trình từ năm 2023. (2) Đề nghị tỉnh quan tâm hỗ trợ, đầu tư xây dựng kho lưu trữ và trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cần Đước, vì hiện nay không có kho để lưu trữ hồ sơ (phải mượn tạm kho lưu trữ của huyện nhưng nay đã quá tải), trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhỏ, hẹp, không đáp ứng nhu cầu làm việc, ảnh hưởng đến kết quả, tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục về đất đai cho người dân. Tổ đại biểu Vĩnh Hưng có ý kiến: Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, bổ sung 02 công trình: Láng nhựa các hẻm trên địa bàn thị trấn Vĩnh Hưng (hạng mục San nền, cống thoát nước hẻm số 1); nâng cấp láng nhựa đường Nguyễn Thị Định, để huyện có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Công trình đầu tư xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện Cần Đước (đầu tư mới trụ sở Huyện ủy, UBND huyện), kho lưu trữ và trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cần Đước là công trình do cấp huyện quản lý, theo quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách Nhà nước thì UBND huyện Cần Đước có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách cấp huyện để thực hiện, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ đầu tư khi tỉnh cân đối được nguồn vốn. Công trình chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Hiện nay, tỉnh đang tập trung tất cả các nguồn lực (bao gồm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025) để đầu tư xây dựng 03 công trình trọng điểm, các công trình thuộc 03 chương trình đột phá, các công trình giáo dục, y tế, nước sạch để đạt được chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, các công trình giao thông, nông nghiệp, văn hóa, trụ sở cơ quan nhà nước cấp bách, bức xúc đã được ghi vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nên tỉnh chưa cân đối được vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện Cần Đước (đầu tư mới trụ sở Huyện ủy, UBND huyện). UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, sẽ chỉ đạo UBND huyện Cần Đước bố trí vốn ngân sách huyện thực hiện.

Tương tự ý kiến giải trình cho Tổ đại biểu Cần Đước, hai công trình theo đề nghị của Tổ đại biểu Vĩnh Hưng là công trình do cấp huyện quản lý, theo quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách Nhà nước thì UBND huyện Vĩnh Hưng có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách cấp huyện để thực hiện, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ đầu tư khi tỉnh cân đối được nguồn vốn. Hai công trình

này không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, sẽ chỉ đạo UBND huyện Vĩnh Hưng bố trí vốn ngân sách huyện thực hiện.

b) Tổ đại biểu Cần Đước có ý kiến: Về nâng cấp ĐT.826 (đoạn ngã tư Xoài Đôi - Phước Lý, Cần Giuộc) và tuyến ĐT.835 qua huyện Cần Đước: Do tính cấp thiết của công trình, nguyện vọng tha thiết của cử tri, tiếp tục kiến nghị tỉnh xem xét, điều chỉnh rút ngắn thời gian đầu tư các tuyến đường này vào năm 2023 để đảm bảo giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thay vì theo kế hoạch trung hạn, thì các dự án này đến năm 2025 mới được đầu tư (thực trạng ĐT.826 đang xuống cấp nặng, nhiều ổ gà, ổ voi, nhất là khu vực khu công nghiệp Cầu Tràm, làm ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và môi trường đầu tư của tỉnh, huyện. Riêng đoạn ĐT.835 qua huyện Cần Đước, hiện nay đoạn này xuống cấp do không có hệ thống thoát nước, mặt khác đoạn qua huyện Bến Lức và Cần Giuộc đã đầu tư hoàn chỉnh). **Tổ đại biểu Vĩnh Hưng có ý kiến:** Xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 công trình Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Hưng từ kế hoạch vốn được bố trí giai đoạn 2025-2027 được điều chỉnh bố trí vốn và thực hiện đầu tư vào năm 2023-2024; Xem xét, điều chỉnh lộ trình bố trí kế hoạch vốn 02 công trình Trường TH&THCS Thái Trị, Trung tâm VH - TT xã Thái Trị từ năm 2024-2025 sang năm 2023 để địa phương kịp thời triển khai thực hiện; Xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 đối với công trình đường Huỳnh Việt Thanh nói dài bố trí vốn là 27 tỷ đồng (vốn hỗ trợ giao thông huyện) để huyện triển khai thực hiện. **Tổ đại biểu đơn vị Tân Hưng có ý kiến:** Đề nghị tỉnh quan tâm đầu tư Đường vào Khu tưởng niệm liệt sỹ Trung đoàn 88, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông đi lại thăm viếng tri ân các anh hùng liệt sỹ trận đánh kênh 62; đồng thời, thể hiện tấm lòng yêu thương và biết ơn đối với các liệt sỹ đã hi sinh vì Tổ quốc (cụ thể: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giao thông của xã Vĩnh Đại nói chung, Đền tưởng niệm trận đánh 62 nói riêng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong và ngoài huyện đến viếng, tưởng niệm, tri ân các anh hùng liệt sỹ trận đánh kênh 62).

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Đối với việc cải tạo, nâng cấp ĐT.826 đoạn từ ranh TP.HCM đến Cầu Tràm: tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã dự kiến sử dụng vốn ngân sách tỉnh để thực hiện bắt đầu từ năm 2025. Tuy nhiên, huyện Cần Giuộc mong muốn được đầu tư sớm hơn và đã đề nghị UBND tỉnh giao huyện Cần Giuộc thực hiện bằng vốn ngân sách huyện. Theo đề nghị của UBND huyện Cần Giuộc, UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện Cần Giuộc làm chủ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách huyện Cần Giuộc và triển khai thực hiện từ năm 2023-2025 đoạn từ ranh Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Tràm.

- Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.826 đoạn cầu Tràm đến ngã tư Xoài Đôi; dự án ĐT.835 qua huyện Cần Đước; dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Hưng, dự án Trường TH&THCS Thái Trị, dự án Trung tâm VH - TT xã

Thái Trị; đường Huỳnh Việt Thanh nối dài; Hiện nay, tỉnh đang tập trung các nguồn lực để thực hiện giải phóng mặt bằng ĐT.830E; ĐT.827E; ĐT.823D; Đường vành đai thành phố Tân An và tập trung vốn cho các dự án chuyển tiếp đang triển khai thi công để sớm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả, tránh lãng phí vốn đầu tư. UBND tỉnh ghi nhận đề nghị của Đại biểu, trước mắt vẫn đề nghị thực hiện theo lộ trình bố trí vốn đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong quá trình điều hành ngân sách nếu cân đối được nguồn vốn thì UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho phù hợp với tình hình thực tế.

c) Tổ đại biểu Vĩnh Hưng có ý kiến: Xem xét, sớm phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để đầu tư Trường THPT Vĩnh Hưng; Trường THCS và THPT Khánh Hưng, để Trường đủ điều kiện được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia.

UBND tỉnh giải trình như sau: Hai công trình này chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách tỉnh. UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Tổ đại biểu, sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, UBND huyện Vĩnh Hưng khảo sát thực tế xác định nội dung cần đầu tư để thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2026-2030. Trường hợp nguồn thu ngân sách trong thời gian tới khả quan, UBND tỉnh sẽ xem xét, bố trí vốn để đầu tư sớm hơn.

d) Tổ đại biểu Vĩnh Hưng có ý kiến: Đối với dự án Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Hưng, vì huyện đã hoàn thành thủ tục bồi thường với tổng kinh phí là 6,9 tỷ đồng, nhưng chưa có kinh phí để chi trả cho các hộ dân, kiến nghị UBND tỉnh xem xét, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện với số tiền là 6,9 tỷ đồng để thực hiện dự án trên; đồng thời, bố trí kế hoạch vốn năm 2023 để huyện triển khai hạng mục san nền.

UBND tỉnh giải trình như sau: Hiện nay, UBND tỉnh đang trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua việc chuyển các nguồn vốn kết dư, vượt thu... từ năm 2021 sang năm 2022 làm cơ sở bố trí vốn cho một số công trình, dự án bức xúc. UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Tổ đại biểu và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính sớm tham mưu UBND tỉnh phương án phân bổ nguồn vốn này ngay khi được Thường trực HĐND tỉnh thông qua phương án chuyển nguồn.

đ) Tổ đại biểu Vĩnh Hưng có ý kiến: Đối với dự án Tu bổ Khu di tích lịch sử Quốc gia khu vực Đồn Long Khốt thời gian qua, huyện đã tạm ứng ngân sách huyện chi trả cho các hộ dân; tuy nhiên, ngân sách huyện còn nhiều khó khăn, kiến nghị UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện với số tiền là 7 tỷ đồng để quyết toán dự án này. Đối với dự án tu bổ Khu di tích lịch sử - văn hóa Gò Chùa Nổi huyện đang thực hiện thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng cho các hộ dân, nhưng nguồn kinh phí có hạn nên chưa thực hiện được, kiến nghị UBND tỉnh xem xét, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện với số tiền là 10 tỷ đồng để triển khai thực hiện dự án.

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Tổ đại biểu và đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát đề tham mưu UBND tỉnh chủ trương sử dụng nguồn vốn đúng quy định đối với dự án này.

2. Tờ trình về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 sang năm 2022, nguồn vốn ngân sách cấp huyện

Cụm số 04: Đề nghị tỉnh kiến nghị với Trung ương nên phân cấp cho HĐND cấp huyện xem xét quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của đại biểu và sẽ tiếp tục kiến nghị Trung ương điều chỉnh quy định này (điều chỉnh, sửa đổi Luật Đầu tư công).

3. Tờ trình về việc điều chỉnh giảm mức thu lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Long An

Cụm số 04: Thời gian áp dụng chính sách từ 01/9/2022 đến 31/12/2022 là quá ngắn, đề nghị tăng thêm thời gian áp dụng để khuyến khích và hình thành thói quen của người dân thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, giảm áp lực về công việc cho công chức tại bộ phận "1 cửa" và viên chức tại các trung tâm hành chính công.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, theo đó tại Điều 13 quy định "... lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Long An.

Như vậy theo quy định trên số tiền thu được từ Lệ phí là nguồn thu thuộc NSNN, nguồn kinh phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu, do đó việc đề xuất quy định mức thu bằng 50% mức thu lệ phí hiện hành trong thời gian áp dụng từ ngày 01/9/2022 đến ngày 31/12/2022 là đảm bảo cân đối ngân sách giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi theo dự toán được giao, phù hợp khả năng cân đối ngân sách nhà nước của các cấp ngân sách. Qua ý kiến của Tổ đại biểu, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo cân đối NSNN, việc "hình thành thói quen của người dân thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến" trong quá trình điều hành, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tập trung tuyên truyền, có giải pháp phù hợp để nâng cao tỷ lệ thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến.

4. Nhóm các Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông (gồm: Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830); Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự

án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830); Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D (trục mở mới Tây Bắc kết nối Long An - TP. Hồ Chí Minh); Tờ trình và Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Bồi thường GPMB, san lấp mặt bằng Ban CHQS huyện Tân Trụ).

- **Ý kiến của đại biểu:** Đối với Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư: dự án đầu tư xây dựng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830); dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830); dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D (trục mở mới Tây Bắc kết nối Long An - TP. Hồ Chí Minh), đề nghị UBND tỉnh đánh giá thêm nguyên nhân vì sao các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành lại điều chỉnh rất nhiều lần? việc điều chỉnh chủ yếu do tăng tổng mức đầu tư, đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm việc tăng tổng mức đầu tư trên ảnh hưởng như thế nào đến việc phân bổ nguồn vốn cho các công trình khác trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2026 của tỉnh.

UBND tỉnh giải trình như sau:

+ Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư: dự án đầu tư xây dựng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830); dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830).

* Việc điều chỉnh nhiều lần là do có sự thay đổi quy mô, hướng tuyến cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Lý do điều chỉnh tại kỳ họp này: (i) đoạn trùng ĐT.830 (BOT) giữ nguyên hiện trạng, quản lý theo quy hoạch do dự án đường vành đai 4 đang trong quá trình nghiên cứu (quy mô, giải pháp thiết kế, tổ chức giao thông,... chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt), để hạn chế gây xáo trộn cuộc sống người dân trong khu vực và tránh giải phóng mặt bằng nhiều lần. (ii) Đoạn qua khu công nghiệp Phúc Long mở rộng hiện nay chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, nên thực hiện đầu tư đoạn qua khu công nghiệp Phúc Long mở rộng bằng nguồn vốn đầu tư công nên tăng tổng mức đầu tư.

* Về khả năng cân đối nguồn vốn cho dự án: Trước mắt sẽ đưa vào kế hoạch này nhu cầu vốn trong giai đoạn 2022-2025 khoảng **1.000 tỷ đồng** để thực hiện. Trường hợp có nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia và được lựa chọn là nhà đầu tư dự án đường vành đai 4 TPHCM – đoạn qua tỉnh Long An (trong đó có phê duyệt phương án đầu tư bao gồm đoạn này) thì UBND tỉnh sẽ làm việc cụ thể với nhà đầu tư về phương án hoàn vốn lại ngân sách tỉnh.

+ Tờ trình và Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư: dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D (trục mở mới Tây Bắc kết nối Long An - TP. Hồ Chí Minh)

* Việc điều chỉnh nhiều lần là do có sự thay đổi quy mô, hướng tuyến cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Lý do điều chỉnh tại kỳ họp này: Điều chỉnh cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn để đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối vốn của ngân

sách tỉnh và ngân sách huyện Đức Hòa, chủ yếu là điều chỉnh tăng phần vốn ngân sách tỉnh tương ứng với số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất dự án Tuyến phố thương mại cặp đường 3 tháng 2 nối dài trên địa bàn thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa với tổng số tiền là 1.231.988.528.000 đồng.

- *Ý kiến của đại biểu: Trong quy hoạch và đầu tư về giao thông: Hệ thống đường N1 dự kiến trùng với ĐT 839. Kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến đường này.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

Tuyến QL N1 do Bộ Giao thông vận tải là cấp quyết định đầu tư. Ngày 23/02/2022, UBND tỉnh đã có văn bản số 1578/UBND-KTTC kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét đề xuất Chính phủ bổ sung dự án trên vào danh mục các dự án phân bổ vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, theo văn bản số 1730/BGTVT-KHĐT ngày 24/02/2022 của Bộ Giao thông vận tải thì do nguồn vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho Bộ còn hạn hẹp nên việc đầu tư hoàn chỉnh Quốc lộ N1 chưa thể thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

5. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 22/6/2020 của HĐND tỉnh

Cụm số 02: Đề nghị làm rõ mục đích của việc ban hành và sửa đổi Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm 2020-2024. Trên thực tế hiện nay, có bất cập là khi xây dựng đơn giá bồi thường thực hiện dự án ngoài ngân sách và tính thuế chuyển nhượng bất động sản, thì chủ yếu căn cứ theo giá thị trường (không căn cứ nhiều vào bảng giá các loại đất do tỉnh ban hành). Tuy hàng năm có điều chỉnh hệ số k, nhưng bảng giá đất của tỉnh ban hành chưa thể tiệm cận và còn khoảng cách khá xa so với giá thị trường. Cần xem xét lại vấn đề này (Tổ Cần Giuộc).

UBND tỉnh giải trình như sau:

Mục đích sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất: Qua thời gian triển khai áp dụng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) tại Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 22/6/2020; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh, đến thời điểm hiện nay một số địa phương có các tuyến đường giao thông đã đầu tư hoàn chỉnh nhưng chưa quy định trong bảng giá đất hoặc được nâng cấp hoàn thiện cần đề xuất tăng giá cho phù hợp thực tế, điều chỉnh giá đất một số tuyến đường.

Tại khoản 2 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định: “2. Bảng giá đất được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính thuế sử dụng đất;

c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.”

Thực tế bảng giá đất tỉnh Long An vẫn còn thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường là do:

+ Không chế bởi khung giá đất do Chính phủ quy định, trong khi đó khung giá đất thấp chưa tiệm cận giá chuyển nhượng thực tế.

+ Biến động giá chuyển nhượng trên thị trường tăng cao một phần do có tình trạng đầu cơ tạo “sốt ảo” giá đất trong thời gian qua.

Về hệ số điều chỉnh giá đất được ban hành hàng năm, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính nghiên cứu đề xuất theo hướng xây dựng hệ số đảm bảo tiệm cận giá thị trường.

6. Tờ trình về phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tờ trình về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Cụm số 03: Trong Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 có tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người cho từng vùng (Trung du miền núi phía bắc, đồng bằng sông Hồng...). Do đó, để góp phần xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả, kiến nghị tỉnh nghiên cứu xem xét, phân bổ tiêu chí thu nhập bình quân đầu người thành 3 Khu vực: Đồng Tháp Mười, các huyện công nghiệp và các vùng phía nam cho phù hợp với sự phát triển của từng địa phương.

UBND tỉnh giải trình như sau: Quy định mức thu nhập bình quân đầu người để công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ là chỉ tiêu do Trung ương quy định (không phân cấp cho tỉnh quy định); trường hợp nếu chia tiêu chí thu nhập thành 03 Khu vực: Đồng Tháp Mười, các huyện công nghiệp và các vùng phía nam thì mức thu nhập cũng không thể thấp hơn so với mức quy định của Trung ương cho vùng đồng sông Cửu Long (năm 2021 \geq 50 triệu đồng/người; năm 2022 \geq 53 triệu đồng/người, năm 2023 \geq 56 triệu đồng/người, năm 2024 \geq 59 triệu đồng/người, năm 2025 \geq 62 triệu đồng/người).

7. Tờ trình về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Cần Giuộc đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000

Cụm số 04: Giữa Quy hoạch Đô thị Cần Giuộc và Quy hoạch tỉnh có sự chênh lệch về diện tích đất nông nghiệp. Đề nghị xem xét lại.

Qua ý kiến của đại biểu, UBND tỉnh ghi nhận và sẽ chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Cần Giuộc rà soát, tổng hợp lại số liệu về diện tích đất nông nghiệp cho phù hợp.

8. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Long An giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030

a) Cụm số 02: Đề nghị UBND tỉnh phân tích, làm rõ nguồn lực thực hiện cho các giai đoạn 2020 - 2025 và 2025 - 2030, vì trong dự thảo Nghị quyết chưa xác định rõ (Tổ Bền Lức).

UBND tỉnh giải trình như sau:

* Tại mục 3 phần I, dự thảo nghị quyết có đề xuất nhu cầu vốn để đầu tư xây dựng nhà ở, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 254.616 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn huy động của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở khoảng 201.834 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở khoảng 52.727 tỷ đồng..

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh khoảng 55 tỷ đồng, để đầu tư xây dựng nhà ở công vụ (theo đề án được duyệt).

- Giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 492.980 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn huy động của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở khoảng 481.825 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở khoảng 74.024 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh khoảng 130 tỷ đồng, để hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án nhà ở xã hội.

* Tại mục 1.4, phần III dự thảo nghị quyết có đề xuất giải pháp về nguồn vốn, cụ thể như sau:

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, chủ yếu sử dụng vốn ngoài ngân sách.

- Đẩy mạnh việc cho vay ưu đãi từ nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để ưu tiên cho đối tượng cán bộ công chức, viên chức, công nhân có nhu cầu về nhà ở xã hội vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế sử dụng vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và nguồn vốn huy động hợp pháp để đầu tư xây dựng nhà ở, các khu đô thị mới, đặc biệt nhà ở xã hội.

- Xem xét, mở rộng chính sách hỗ trợ cho vay vốn đối với các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà trọ cho công nhân, người lao động, sinh viên thuê trên địa bàn.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế bố trí nguồn vốn từ ngân sách để hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi hàng rào đối với các dự án nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp.

- Lồng ghép vào trong các chương trình mục tiêu hỗ trợ nhà ở của Trung ương để xây dựng, cải tạo nhà ở cho các đối tượng có khó khăn về nhà ở, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các Chương trình mục tiêu.

b) Cụm số 04: Cần xây dựng khu nhà ở tập trung để thuận tiện cung cấp các dịch vụ công; nhà ở cao tầng để tận dụng điện tích; Trong các khu cụm dân cư, các khu vực phát triển nhà ở, cần quan tâm đầu tư hạ tầng đầy đủ, xây dựng công viên các mảng xanh, tuyến đường kết nối khu cụm dân cư với các tuyến đường chính để thuận tiện đi lại cho người dân.

UBND tỉnh giải trình như sau:

Tại mục 1.3, phần III, dự thảo nghị quyết có đề xuất các giải pháp để thực hiện cụ thể như sau:

Giải pháp nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án:

Đối với khu vực trung tâm đô thị, các khu vực có yêu cầu cao về quản lý cảnh quan, chủ yếu phát triển nhà ở theo dự án (thành phố Tân An), tập trung chỉnh trang, nâng cấp đô thị theo hướng hiện đại, ưu tiên quy hoạch phát triển các dự án đầu tư xây dựng nhà ở mới, từng bước chuyển đổi mô hình sang nhà ở chung cư cao tầng hiện đại thay thế nhà ở thấp tầng dọc các trục giao thông công cộng lớn hoặc các khu vực có kế hoạch thực hiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương ứng, đảm bảo chất lượng về không gian kiến trúc, chất lượng xây dựng công trình, hiện đại, khuyến khích phát triển các công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng các công nghệ thông minh tại các dự án phát triển nhà ở.

9. Tờ trình về quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022-2030

a) Cụm số 01:

- Về tên gọi theo Tờ trình là chưa phù hợp với nội dung trình ở cả 03 Điều. Đề xuất đổi lại thành “Nội dung chi và mức chi việc thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022- 2030”.

- Về bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

và đối tượng áp dụng; Điều 2: Điều kiện để được hỗ trợ; Điều 3: Những quy định cụ thể. Tuy nhiên trong những quy định cụ thể có 05 nội dung mức chi để quy định, trong đó có phần nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, đại biểu đề xuất sửa bố cục thành 04 Điều cho phù hợp.

- Về chữ gọi tắt của Chương trình là “Chương trình năng suất chất lượng”, đề nghị đổi lại thành “Chương trình nâng cao năng suất chất lượng”.

- Về đối tượng áp dụng: tại Điều 1 quy định: “Chỉ áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan...” nhưng trong dự thảo tại khoản 5 có nói đến các đối tượng là doanh nghiệp. Do đó, cần bổ sung đối tượng là Doanh nghiệp vào đối tượng áp dụng.

- Về điều kiện hỗ trợ: tại Điều 2 quy định: “Các doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ phải tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đáp ứng đủ điều kiện; đảm bảo nguyên tắc chỉ nhận hỗ trợ một lần đối với một nội dung từ ngân sách nhà nước”. Do đó, đề xuất đổi Điều 2 thành “Điều kiện và nguyên tắc để được hỗ trợ”.

Các nội dung trên, UBND tỉnh tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến góp ý của đại biểu.

- Tại khoản 4 Điều 3 quy định: “Nội dung chi và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình Năng suất chất lượng” gồm có 06 điểm. Trong đó, điểm (c) và (d) đều áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017. Do đó, đề xuất gộp lại thành 1 nội dung. Trường hợp giữ nguyên 2 nội dung thì tại điểm (d) phải ghi rõ áp dụng theo Nghị quyết nào của HĐND tỉnh mới phù hợp.

Nội dung này, UBND tỉnh đề nghị được giữ nguyên như dự thảo vì đây là hai nội dung khác nhau được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ Tài chính tương ứng với điểm c và điểm d trong dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 5 Điều 3 quy định: “Nội dung chi, mức chi hỗ trợ doanh nghiệp... dịch vụ thông minh”, đề xuất không nên vừa áp dụng tỷ lệ % vừa áp dụng số tiền, cụ thể: 1/ nên áp dụng tỷ lệ %: 100% hoặc 50%; 2/: sẽ lấy số liệu cụ thể của khái toán trên số tiền là không quá tối đa.

Nội dung này, UBND tỉnh giải trình như sau: Tùy quy mô doanh nghiệp và nội dung hỗ trợ khác nhau thì kinh phí thực hiện sẽ khác nhau, nếu “chọn số tiền cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp” thì rất khó xác định và việc liệt kê từng nội dung cụ thể như vậy sẽ làm cho nghị quyết dài và quá chi tiết. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

b) Cụm số 02: Đề nghị xem xét lại mục 5 (nội dung: Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp), vì chưa có sự ưu tiên, ưu đãi theo ngành nghề nhằm tập trung bố trí vốn cho ngành nghề chủ lực, mũi nhọn theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Tổ Bản Lức).

UBND tỉnh giải trình như sau: Về nội dung, phạm vi, đối tượng điều chỉnh,... UBND tỉnh căn cứ vào Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021

của Bộ Tài chính và Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Việc “ưu tiên, ưu đãi theo ngành nghề” không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết vì không có quy định từ Trung ương. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

10. Tờ trình về quy định mức thu học phí trong năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An

a) *Cụm số 02 và 04: Đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm về cơ sở để quy định dạy học trực tuyến (online) thu học phí bằng 75% mức thu học phí trực tiếp lên lớp. Đặc biệt là cấp mầm non việc dạy học trực tuyến rất khó khăn và tính khả thi không cao, nếu quy định như thế là chưa phù hợp thực tế.*

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Về cơ sở để quy định dạy học trực tuyến (online) thu học phí bằng 75% mức thu học phí trực tiếp: dạy học trực tuyến phải trang bị các thiết bị CNTT, chi phí đường truyền, điện... nếu như buộc phải dạy học trực tuyến kéo dài thì việc thu học phí là cần thiết. Theo quy định tại NĐ 81 học phí trực tuyến không vượt mức học phí trên lớp, xét thấy bằng $\frac{3}{4}$ (75%) là phù hợp. Tại khoản 5, điều 9 của NĐ 81 có quy định: “Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành”.

- Trường hợp học phí trực tuyến cấp mầm non: Khi có hướng dẫn chương trình giảng dạy của Bộ GD&ĐT về dạy học trực tuyến và nhà trường tổ chức giảng dạy thì sẽ thu học phí; trường hợp như năm học 2021-2022 Bộ GD&ĐT yêu cầu cấp MN không tổ chức dạy học trực tuyến cho học sinh thì sẽ không thu.

b) *Về mức thu học phí năm học 2022 - 2023:*

* *Cụm số 02:*

- *Trong bối cảnh đời sống người dân còn nhiều khó khăn sau đại dịch Covid-19, đề nghị tỉnh kiến nghị Trung ương cho chủ trương chưa thực hiện thu học phí năm học 2022-2023 theo mức mới quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (cho thu theo mức cũ, vì mức học phí mới theo NĐ 81 là quá cao, tăng gấp nhiều lần).*

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của đại biểu và sẽ đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ chưa thực hiện thu học phí năm học 2022-2023 theo mức mới quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ mà nên giữ nguyên như năm trước (Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2903/BGDĐT-KHTC ngày 07/7/2022 về việc lấy ý kiến về đề xuất lộ trình học phí và chính sách miễn học phí đối với học sinh THCS).

- *Đề nghị tỉnh xem xét, quy định cụ thể về mức hỗ trợ cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn để áp dụng thực hiện*

cho toàn tỉnh. Dự thảo nghị quyết cần xem xét tách ra cụ thể mức học phí đối với cấp mầm non, nên chia theo từng nhóm đối tượng (trẻ học 1 buổi/ngày và trẻ học bán trú) để dễ triển khai thực hiện và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế (Tổ Cần Đức).

UBND tỉnh giải trình như sau:

- Chương IV Nghị định 81 của Chính phủ đã quy định cụ thể về chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cũng như quy định về phương thức chi trả.

- Đối với cấp mầm non hiện nay 100% các lớp mẫu giáo, nhóm trẻ đều học 2 buổi/ngày (bán trú); không còn lớp học 01 buổi như các năm trước, do vậy chỉ có một mức thu.

* *Cụm số 03: Tại khoản 2 Điều 1 (Đối tượng áp dụng): đề nghị phân tích thêm “các cá nhân có liên quan” là những đối tượng nào; đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị quyết phần “đơn vị tính” (biểu số 2).*

UBND tỉnh giải trình như sau:

- UBND tỉnh xin tiếp thu ý kiến của đại biểu về việc bổ sung cụm từ “Đơn vị: đồng/học sinh/ tháng” vào phía trên bảng liệt kê mức học phí theo hình thức trực tuyến (tại Khoản 2, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết).

- Về cụm từ “các tổ chức, cá nhân có liên quan” quy định tại Điều 1, Khoản 2 - đối tượng áp dụng để chỉ chung các tập thể hoặc cá nhân khác (trừ những học sinh mầm non, phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên; các nhà trường, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên quy định ở trên) khi thực hiện công việc có liên quan đến học phí.

* *Cụm số 04: đề xuất tỉnh xem xét miễn giảm học phí thêm 01 năm nữa, tránh tăng đột biến như dự thảo, vì tăng sẽ tạo gánh nặng rất lớn cho phụ huynh học sinh; hoặc đề nghị tiếp tục giữ nguyên mức như năm học trước do tình hình khó khăn sau dịch, giá cả tăng cao, thu nhập người dân khó khăn. Nếu có thu thì các địa phương nên vận động các nhà tài trợ, hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn trên địa bàn.*

UBND tỉnh giải trình như sau: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của đại biểu và sẽ đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo với nhiều phương án trong đó có phương án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ xem xét miễn học phí năm học 2022-2023 hoặc giữ nguyên mức thu như năm học trước (Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2903/BGDĐT-KHTC ngày 07/7/2022 về việc lấy ý kiến về đề xuất lộ trình học phí và chính sách miễn học phí đối với học sinh THCS).

11. Tờ trình về chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức và thu hút tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp tỉnh

a) *Cụm số 01:*

- *Tại điểm d khoản 2 Tờ trình quy định: “..., có cam kết thời gian phục vụ*

tối thiểu 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận....". Theo đó, tuyển dụng là có thi tuyển, còn tiếp nhận là không qua thi tuyển. Vậy hiện nay đã có cơ chế nào tiếp nhận người vào làm trong cơ quan nhà nước hoặc thu hút đào tạo nguồn nhân lực mà không qua thi tuyển hay không? Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ vấn đề này.

Hiện nay, pháp luật có quy định việc tiếp nhận vào làm công chức, viên chức (đã làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển), cụ thể: tiếp nhận vào làm viên chức tại Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; tiếp nhận vào làm công chức tại Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; tại các quy định này có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, quy trình, thủ tục khi tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức.

Ngoài ra, đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đủ tiêu chuẩn theo quy định thì được xét tuyển để thu hút vào làm công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

- Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Đối tượng thu hút chưa phục vụ đủ thời hạncó quyết định kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền". Đại biểu nhận thấy đối tượng đền bù chế độ theo quy định này là chưa phù hợp, vì hoàn thành nhiệm vụ trở xuống khác với kỷ luật, do đó người hoàn thành nhiệm vụ trở xuống với người bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên cũng đền bù theo một quyết định là không đúng. Ngoài ra, tại Điều 5, đại biểu đề xuất không đưa cách tính chi phí đền bù vào Nghị quyết của HĐND tỉnh mà để UBND tỉnh khi triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh sẽ có quy định cụ thể.

Theo mục tiêu thu hút của Nghị quyết 12-NQ/TU của Tỉnh ủy là thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, phục vụ phát triển công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh. Do đó, qua thời gian công tác theo cam kết, nếu đối tượng được hưởng chế độ thu hút nhưng trong quá trình công tác không phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc vi phạm kỷ luật thì đối tượng đó sẽ không tiếp tục được hỗ trợ, hưởng chính sách thu hút đối với thời gian công tác còn lại theo cam kết; đồng thời, cá nhân đó phải đền bù số tiền tương ứng với thời gian công tác còn lại theo cam kết. Nếu bổ sung các mức đền bù thấp hơn thì cá nhân trên vẫn còn được hưởng hỗ trợ thu hút thì cũng không hợp lý (đề xuất dừng áp dụng chế độ thu hút từ mức hoàn thành nhiệm vụ). Ngoài ra, theo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thì rất ít trường hợp công chức, viên chức mới tuyển dụng trong thời gian 05 năm được đánh giá, xếp loại mức "Hoàn thành nhiệm vụ" hoặc có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật.

Do pháp luật chưa quy định về đền bù đối với chế độ thu hút. Dự thảo Nghị quyết là chính sách của tỉnh; do đó, UBND tỉnh đề xuất Nghị quyết phải quy định cách tính đền bù chế độ thu hút khi người hưởng chế độ thu hút chưa đạt yêu cầu mà tỉnh cần thu hút; làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai thực hiện.

b) *Cụm số 02:*

- Đề nghị rà soát, xem xét dự thảo Nghị quyết trên có mâu thuẫn với Kết luận số 313-KL/TU ngày 12/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hỗ trợ đào tạo sau Đại học hay không. Cụ thể: Trong Kết luận số 313 chỉ nêu hỗ trợ đào tạo sau Đại học đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch. Tuy nhiên, dự thảo nghị quyết mở rộng rất nhiều đối tượng gồm cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện; viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được cử đi đào tạo sau đại học trong nước và ngoài nước (như vậy các đối tượng này có phải thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt hay không) (Tổ Cần Đức).

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 của dự thảo có quy định một trong những điều kiện được hỗ trợ đào tạo sau đại học (sau khi đã tốt nghiệp) là: “*Có Quyết định cử đi đào tạo sau đại học trong nước hoặc nước ngoài theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền*”. Theo Kết luận số 313-KL/TU ngày 12/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh được cử đào tạo sau đại học phải thuộc đối tượng theo Kết luận số 313-KL/TU và phải có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy trước khi thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định cử đi học theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Do đó, đối tượng được hỗ trợ đào tạo sau đại học theo dự thảo Nghị quyết không mâu thuẫn với Kết luận số 313-KL/TU ngày 12/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Xem xét lại điểm đ Điều 3 của dự thảo Nghị quyết có phù hợp với tình hình thực tế hay không. Đề nghị tỉnh quan tâm khảo sát về nhu cầu để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực theo ngành nghề đang cần và thiếu của địa phương để có chính sách hỗ trợ, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo hiệu quả, đáp ứng sự thiếu hụt nguồn nhân lực tại địa phương (Tổ Cần Đức).

Điểm đ Khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết để loại trừ trường hợp đã từng làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị của tỉnh (do thiếu an tâm công tác hoặc do đã bị kỷ luật buộc thôi việc...) hoặc hiện đang làm việc trong hệ thống chính trị của tỉnh, nay xin thôi việc để tham dự tuyển dụng lại nhằm hưởng chính sách thu hút.

Khi xây dựng Nghị quyết số 12-NQ/TU, Tỉnh ủy đã có đánh giá thực trạng và thực hiện khảo sát về nhu cầu để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực theo ngành nghề đang cần và thiếu của địa phương. Sau khi Nghị quyết của HNND tỉnh được thông qua, UBND tỉnh sẽ tiếp tục rà soát để xác định nhu cầu đào tạo, thu hút của từng ngành, lĩnh vực, địa phương theo mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo, thu hút theo Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy.

- Đề nghị bổ sung thêm giải pháp để triển khai thực hiện Nghị quyết, đặc biệt là cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ giáo viên và nhân viên y tế hiện đang thiếu rất nhiều (Tổ Cần Giuộc).

Hiện nay, UBND tỉnh đã có chỉ đạo Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút riêng đối với viên chức ngành y tế,

ngành giáo dục.

c) *Cụm số 03: Bộ cục dự thảo Nghị quyết có 9 Điều là quá dài, đề nghị điều chỉnh lại như sau:*

“ Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Điều 2. Chế độ hỗ trợ

1. Hỗ trợ đào tạo sau đại học

2. Hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực

3. Hỗ trợ thu hút đối với chuyên gia

Điều 3 (Điều 5 và điều 6 gom gọn lại)

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành”.

Về bộ cục của dự thảo Nghị quyết được xây dựng, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo theo quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh. Do đó, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

12. Tờ trình về việc đặt tên đường trên địa bàn thị xã Kiến Tường

Cụm số 01: Đề nghị UBND tỉnh xem lại việc đặt tên mới (dự kiến) Tô Thị Khôi ở khu phố 5, phường 1 thị xã Kiến Tường có phù hợp không vì mẹ Việt Nam anh hùng Tô Thị Khôi quê quán thuộc huyện Tân Thạnh.

UBND tỉnh giải trình như sau: Mẹ Việt Nam anh hùng (MVNAH) Tô Thị Khôi quê ở huyện Tân Thạnh, được con cháu sống tại Kiến Tường thờ cúng. Đây là Mẹ Việt Nam anh hùng (MVNAH) tiêu biểu có 4 người con là liệt sĩ được thờ cúng tại Phường 1, thị xã Kiến Tường. Do đó được chính quyền địa phương thị xã Kiến Tường chọn đặt tên đường và được sự đồng thuận thống nhất của nhân dân. Việc đặt tên đường này đã thực hiện theo đúng quy trình thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng và đã được thông qua chính quyền địa phương thị xã Kiến Tường, Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tỉnh thông qua, Sở Tư Pháp thẩm định và Ban Pháp chế HĐND thẩm tra và thống nhất tại Báo cáo số 496/BC-HĐND ngày 27/6/2022 Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị xã Kiến Tường.

C. ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI TRÌNH Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI TRƯỚC KỲ HỌP THỨ 6, HĐND TỈNH KHÓA X

UBND tỉnh đã có văn bản số 6178/UBND-THKSTTHC ngày 08/7/2022 chỉ đạo các ngành, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện và sẽ gửi đến đại biểu HĐND tỉnh đúng theo thời gian quy định tại Báo cáo số 565/BC-HĐND ngày 06/7/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

Trên đây là giải trình đối với các ý kiến của các Ban và các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đối với các Báo cáo, các Tờ trình của UBND tỉnh tại kỳ họp thứ 6.

Một lần nữa, UBND tỉnh xin cảm ơn các ý kiến quý báu của các đại biểu, các ý kiến đó, giúp UBND tỉnh hiểu sâu sắc, thực tế hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết HĐND tỉnh.

Với nội dung trên, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua các Nghị quyết, làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu QH tỉnh Long An;
- Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Phòng Công tác HĐND tỉnh;
- Phòng: TH KSTTHC+KTTC+VHXH;
- Ban NC-TCD tỉnh;
- Lưu: VT. (9)

BC_giaitrinhkiencuacacBanvaTodaibieuHDNDtinhthaikyhopthu6.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Lâm

H